

Số: 01/2026/BB-ĐHĐCĐ2026

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2026

**BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Tên Doanh nghiệp : Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn
Địa chỉ : 41 - 47 Đông Du, Phường Sài Gòn, TP.HCM
Giấy CN ĐKDN : Số 0300850255 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 12/04/1994, thay đổi lần thứ 15 ngày 29/08/2022
Thời gian họp : Bắt đầu lúc 08 giờ 30 phút ngày 30 tháng 06 năm 2026
Địa điểm họp : Lầu 10, phòng Lotus, Khách sạn Sài Gòn
Chương trình : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Thành phần tham dự : Hội đồng quản Trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc cùng Quý cổ đông theo danh sách chốt ngày 03/06/2026.
Chủ tọa Đại hội : Ông Võ Thanh Bình - Chủ tịch HĐQT
Thư ký Đại hội : Ông Trần Tiến - Thư ký HĐQT

DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI

I. THỦ TỤC KHAI MẠC ĐẠI HỘI

- Bắt đầu từ 08 giờ 30, tất cả các Quý cổ đông theo danh sách chốt ngày 03/06/2026 đến tham dự Đại hội đều được hướng dẫn đến bàn lễ tân, hoàn tất thủ tục đăng ký tham dự và nhận tài liệu.
- Ban tổ chức Đại hội báo cáo kiểm tra tính hợp lệ của Đại hội, nội dung báo cáo như sau:
Tổng số cổ đông và người được ủy quyền tham dự là 65 cổ đông, đại diện cho 9.737.556 cổ phần, chiếm 78,76% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
Căn cứ Điều 141 của Luật Doanh Nghiệp năm 2020 và Căn cứ Khoản 1, Điều 18 Điều lệ Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn, Công ty đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.
- Ông Võ Thanh Bình - Chủ trì cuộc họp đề xuất và lấy ý kiến Đại hội đồng Cổ đông biểu quyết để bầu Đoàn Chủ tịch, Đoàn Thư ký và Ban Kiểm phiếu như sau:

3.1. Thành phần Đoàn Chủ tịch:

1/ Ông Võ Thanh Bình	Chủ tịch HĐQT, Chủ tọa
2/ Bà Phan Ngọc Bích	Thành viên HĐQT- Giám đốc Công ty
2/ Bà Lê Thị Thúy Hà	Thành viên HĐQT

3.2. Thành phần Đoàn Thư Ký:

1/ Ông Trần Tiến	Trưởng Ban
2/ Bà Nguyễn Hoàng Thanh Tâm	Thành viên

3.3. Thành phần Ban Kiểm phiếu:

1/ Bà Dương Bối Minh	Trưởng Ban
2/ Vũ Thị Cảnh	Thành viên
3/ Khúc Khải Hoàn	Thành viên



Quý cổ đông hiện diện đã nhất trí 100% biểu quyết đồng ý cho Đoàn Chủ tịch, Đoàn thư ký và Ban kiểm phiếu.

4. Thông qua Quy chế làm việc và Chương trình Đại hội

Ban tổ chức Đại hội, thay mặt Đoàn Chủ tịch thông qua Quy chế và Chương trình Đại hội, Cổ đông hiện diện đã biểu quyết nhất trí 100% đồng ý.

II. CÁC BÁO CÁO TRÌNH BÀY TẠI ĐẠI HỘI.

1. Ông Võ Thanh Bình, Chủ tịch HĐQT, thay mặt HĐQT Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị về tình hình quản trị, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2025, phương hướng nhiệm vụ năm 2026.
2. Bà Phan Ngọc Bích, Thành viên HĐQT - Giám Đốc, báo cáo kết quả kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch kinh doanh năm 2026. Báo cáo Ban điều hành.
3. Bà Hà Thị Mai Phương, Trưởng Ban Kiểm soát Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và kiểm soát viên.
4. Bà Phan Ngọc Bích, Giám đốc Công ty, trình bày trước Đại hội nội dung các Tờ trình Đại hội đồng cổ đông số 01/2026/TTr-ĐHĐCĐ, 02/2026/TTr-ĐHĐCĐ, 03/2026/TTr-ĐHĐCĐ, 04/2026/TTr-ĐHĐCĐ, 05/2026/TTr-ĐHĐCĐ.

III. THẢO LUẬN CÁC TỜ TRÌNH.

- Sau khi lắng nghe các Báo cáo và Tờ trình được trình bày tại Đại hội, Ông Võ Thanh Bình tiếp tục chủ trì thảo luận các nội dung liên quan đến các Tờ trình.
- Cổ đông có câu hỏi về chủ trương phát hành thêm cổ phần để tiến hành trả tiền thuê đất 1 lần vẫn chưa thực hiện được, nếu vậy thì số tiền thu được từ việc phát hành thêm đã được dùng làm gì.
- Ông Võ Thanh Bình phản hồi số tiền đó vẫn được gửi ngân hàng và tiền lãi từ việc phát hành thêm đã được chi cổ tức hằng năm cho quý cổ đông. Hiện nay Hội đồng Quản trị và Ban điều hành vẫn tiếp tục đeo bám các thủ tục để tiến hành.
- Đại hội cũng đã được nghe và ghi nhận nhiều ý kiến đóng góp tích cực của các cổ đông.

IV. BIỂU QUYẾT CÁC BÁO CÁO VÀ TỜ TRÌNH.

1. Biểu quyết Báo cáo Đại hội đồng cổ đông:

1.1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị về tình hình quản trị, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2025, phương hướng nhiệm vụ năm 2026:

❖ Đại hội biểu quyết:

- + Tán thành: 4.905.456 cổ phần, chiếm 50,38% số cổ phần biểu quyết thu về.
- + Không tán thành: 4.804.100 cổ phần, chiếm 49,34% số cổ phần biểu quyết thu về.
- + Không ý kiến: 28.000 cổ phần, chiếm 0,29% số cổ phần biểu quyết thu về.

1.2. Thông qua báo cáo kết quả kinh doanh năm 2025:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (Đvt: đồng)
1	Tổng doanh thu	57.206.964.175

a	Doanh thu kinh doanh	49.560.792.656
b	Doanh thu tài chính	7.605.163.237
c	Thu nhập khác	41.008.282
2	Tổng Chi phí	37.941.292.905
a	Chi phí kinh doanh	32.892.298.307
	<i>Trong đó: Tổng Quỹ lương được trích</i>	<i>14.560.000.000</i>
b	Chi phí cố định	4.976.439.370
	<i>Trong đó: Chi phí Khấu hao TSCĐ</i>	<i>2.039.431.810</i>
	<i>Thuế, tiền thuê đất</i>	<i>2.937.007.560</i>
c	Chi phí tài chính + Chi phí khác	72.555.228
3	Lợi nhuận trước thuế	19.265.671.270
4	Lợi nhuận sau thuế	15.653.637.727

❖ Đại hội biểu quyết:

- + Tán thành: 9.737.556 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần biểu quyết thu về.
- + Không tán thành: ...cổ phần, chiếm ...% số cổ phần biểu quyết thu về.
- + Không ý kiến: ...cổ phần, chiếm ...% số cổ phần biểu quyết thu về.

1.3. Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2026:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (Đvt: đồng)
1	Tổng doanh thu	58.850.000.000
a	Doanh thu kinh doanh	51.600.000.000
b	Doanh thu tài chính	7.200.000.000
c	Thu nhập khác	50.000.000
2	Tổng Chi phí	39.098.525.200
a	Chi phí kinh doanh	34.079.525.200
	<i>Trong đó: Tổng Quỹ lương được trích</i>	<i>14.448.000.000</i>
b	Chi phí cố định	4.977.000.000
	<i>Trong đó: + Khấu hao Tài sản cố định</i>	<i>2.040.000.000</i>
	<i>+ Thuế, tiền thuê đất</i>	<i>2.937.000.000</i>
c	Chi phí tài chính + Chi phí khác	42.000.000
3	Lợi nhuận trước thuế	19.751.474.800
4	Lợi nhuận sau thuế	15.793.179.840

❖ Đại hội biểu quyết:

- + Tán thành: 4.933.456 cổ phần, chiếm 50,66% số cổ phần biểu quyết thu về.
- + Không tán thành: 4.804.100 cổ phần, chiếm 49,34% số cổ phần biểu quyết thu về.
- + Không ý kiến: ...cổ phần, chiếm ...% số cổ phần biểu quyết thu về.

1.4. Thông qua báo cáo Ban điều hành.

❖ Đại hội biểu quyết:

- + Tán thành: 4.933.456 cổ phần, chiếm 50,66% số cổ phần biểu quyết thu về.
- + Không tán thành: 4.804.100 cổ phần, chiếm 49,34% số cổ phần biểu quyết thu về.
- + Không ý kiến: ...cổ phần, chiếm ...% số cổ phần biểu quyết thu về.

1.5. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc.

❖ Đại hội biểu quyết:

+ Tán thành: 9.734.056 cổ phần, chiếm 99,96% số cổ phần biểu quyết thu về.

+ Không tán thành: ...cổ phần, chiếm ...% số cổ phần biểu quyết thu về.

+ Không ý kiến: 3.500 cổ phần, chiếm 0,04% số cổ phần biểu quyết thu về.

1.6. Thông qua Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và kiểm soát viên;

❖ Đại hội biểu quyết:

+ Tán thành: 9.734.056 cổ phần, chiếm 99,96% số cổ phần biểu quyết thu về.

+ Không tán thành: ...cổ phần, chiếm ...% số cổ phần biểu quyết thu về.

+ Không ý kiến: 3.500 cổ phần, chiếm 0,04% số cổ phần biểu quyết thu về.

2. Biểu quyết Tờ trình số 01/2026/TTr-ĐHĐCĐ:

2.1. Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025 bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY – CN tại TP.HCM:

❖ Đại hội biểu quyết:

+ Tán thành: 9.737.556 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần biểu quyết thu về.

+ Không tán thành: ...cổ phần, chiếm ...% số cổ phần biểu quyết thu về.

+ Không ý kiến: ...cổ phần, chiếm ...% số cổ phần biểu quyết thu về.

3. Biểu quyết Tờ trình số 02/2026/TTr-ĐHĐCĐ:

3.1. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:

STT	Diễn giải	Số tiền (Đvt: đồng)
1	Lợi nhuận trước thuế	19.265.671.270
2	Lợi nhuận sau thuế	15.653.637.727
3	Lợi nhuận chưa phân phối các năm trước	540.232.700
4	Tổng Lợi nhuận phân phối	16.193.870.427
4.1	Chia cổ tức 2025 (11%/cổ phiếu)	13.600.510.000
4.2	Thù lao HĐQT & BKS 2025	390.000.000
4.3	Trích Quỹ Khen thưởng (10% lợi nhuận sau thuế)	1.565.363.773
5	Lợi nhuận còn lại sau phân phối	637.996.654

❖ Đại hội biểu quyết:

+ Tán thành: 9.737.556 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần biểu quyết thu về.

+ Không tán thành: ...cổ phần, chiếm ...% số cổ phần biểu quyết thu về.

+ Không ý kiến: ...cổ phần, chiếm ...% số cổ phần biểu quyết thu về.

3.2. Thông qua việc chi trả cổ tức năm 2025:

✓ Chi cổ tức 11%/cổ phiếu từ lợi nhuận 2025 bằng tiền

✓ Ngày chốt danh sách thực hiện quyền chia cổ tức 2025: 17/7/2026

✓ Ngày chi trả cổ tức năm 2025: 30/7/2026.

❖ Đại hội biểu quyết:

+ Tán thành: 9.737.556 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần biểu quyết thu về.

+ Không tán thành: ...cổ phần, chiếm ...% số cổ phần biểu quyết thu về.

+ Không ý kiến: ...cổ phần, chiếm ...% số cổ phần biểu quyết thu về.

3.3. Thông qua việc quyết toán thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2025:

- Chủ tịch HĐQT: 5.000.000 đồng/tháng
- Thành viên HĐQT: 4.000.000 đồng/tháng/người x 4 người
- Trưởng BKS: 4.000.000 đồng/tháng
- Thành viên BKS: 2.500.000 đồng/tháng/người x 2 người
- Thư ký HĐQT: 2.500.000 đồng/tháng

❖ Đại hội biểu quyết:

+ Tán thành: 9.737.556 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần biểu quyết thu về.

+ Không tán thành: ...cổ phần, chiếm ...% số cổ phần biểu quyết thu về.

+ Không ý kiến: ...cổ phần, chiếm ...% số cổ phần biểu quyết thu về.

4. Biểu quyết Tờ trình số 03/2026/TTr-ĐHĐCĐ:

4.1. Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026:

STT	Diễn giải	Số tiền (Đvt: đồng)
1	Lợi nhuận trước thuế 2026	19.751.474.800
2	Lợi nhuận sau thuế 2026	15.793.179.840
3	Lợi nhuận dự kiến phân phối 2026, trong đó:	14.333.417.984
3.1	Chia cổ tức 2026 (10%/cổ phiếu)(dự kiến)	12.364.100.000
3.2	Trích thù lao HĐQT & BKS 2026	390.000.000
3.3	Trích Quỹ Khen thưởng (dự kiến 10% lãi sau thuế)	1.579.317.984
4	Lợi nhuận còn lại sau phân phối	1.459.761.856

Sau khi có kết quả kinh doanh thực tế năm 2026, Hội đồng Quản trị sẽ trình Đại Hội Đồng Cổ đông quyết định kế hoạch phân phối cụ thể.

❖ Đại hội biểu quyết:

+ Tán thành: 9.737.556 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần biểu quyết thu về.

+ Không tán thành: ...cổ phần, chiếm ...% số cổ phần biểu quyết thu về.

+ Không ý kiến: ...cổ phần, chiếm ...% số cổ phần biểu quyết thu về.

4.2. Thông qua dự kiến thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2026:

Căn cứ Kế hoạch kinh doanh năm 2026, Đại hội Đồng cổ đông thông qua mức chi thù lao hoạt động Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2026 là 390.000.000 đồng. Cụ thể:

- Chủ tịch HĐQT: 5.000.000đ/tháng
- Thành viên HĐQT: 4.000.000đ/tháng/người x 4 người
- Trưởng Ban kiểm soát: 4.000.000đ/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát: 2.500.000đ/tháng/người x 2 người
- Thư ký HĐQT: 2.500.000đ/tháng

❖ *Đại hội biểu quyết:*

- + *Tán thành: 9.737.556 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần biểu quyết thu về.*
- + *Không tán thành: ...cổ phần, chiếm ...% số cổ phần biểu quyết thu về.*
- + *Không ý kiến: ...cổ phần, chiếm ...% số cổ phần biểu quyết thu về.*

5. Biểu quyết Tờ trình số 04/2026/TTr-ĐHĐCĐ:

Thông qua danh sách Công ty kiểm toán độc lập cho báo cáo tài chính giữa niên độ và năm 2026 với danh sách 03 (ba) Công ty đã được Bộ tài chính chấp thuận như sau:

+ Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY;

Địa chỉ: Tầng 05, Toà B2, Roman Plaza, Đường Tô Hữu, Phường Đại Mỗ, Tp. Hà Nội.

+ Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía Nam (AASCS);

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, TP. Hồ Chí Minh.

+ Công ty TNHH Kiểm toán Quốc Tế- CN Sài Gòn;

Địa chỉ: Lầu 4, Toà nhà Hải Âu Tic, 39B Trường Sơn, Phường Tân Sơn Nhất, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị tổ chức lựa chọn một công ty kiểm toán có tên trong danh sách các công ty kiểm toán độc lập đủ điều kiện kiểm toán theo quy định hiện hành như trên để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính giữa niên độ và năm 2026.

❖ *Đại hội biểu quyết:*

- + *Tán thành: 9.734.056 cổ phần, chiếm 99,96% số cổ phần biểu quyết thu về.*
- + *Không tán thành: ...cổ phần, chiếm ...% số cổ phần biểu quyết thu về.*
- + *Không ý kiến: 3.500 cổ phần, chiếm 0,04% số cổ phần biểu quyết thu về.*

6. Biểu quyết Tờ trình số 05/2026/TTr-ĐHĐCĐ:

6.1. Thông qua Dự thảo Điều lệ Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn thay thế cho Điều lệ hiện hành, đảm bảo sự phù hợp và hiệu quả trong quản trị và hoạt động của Công ty.

❖ *Đại hội biểu quyết:*

- + *Tán thành: 9.462.670 cổ phần, chiếm 97,18 % số cổ phần biểu quyết thu về.*
- + *Không tán thành: 271.386 cổ phần, chiếm 2,79% số cổ phần biểu quyết thu về.*
- + *Không ý kiến: 3.500 cổ phần, chiếm 0,04% số cổ phần biểu quyết thu về.*

6.2. Thông qua Về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh. Ủy quyền cho Người đại diện pháp luật của Công ty tiến hành các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật.

❖ *Đại hội biểu quyết:*

- + *Tán thành: 9.734.056 cổ phần, chiếm 99,96% số cổ phần biểu quyết thu về.*
- + *Không tán thành: ...cổ phần, chiếm ...% số cổ phần biểu quyết thu về.*
- + *Không ý kiến: 3.500 cổ phần, chiếm 0,04% số cổ phần biểu quyết thu về.*

V. THỦ TỤC BẾ MẠC ĐẠI HỘI

Đại hội đồng cổ đông đã tán thành 100% thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn đã kết thúc vào lúc 12 giờ 00 phút, ngày 30 tháng 06 năm 2026.

**TM. ĐOÀN THƯ KÝ
TRƯỞNG ĐOÀN**

Trần Tiên

ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG:



**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỌA**

Võ Thanh Bình

ĐẠI DIỆN BAN KIỂM SOÁT:



NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300850255
do Sở Kế hoạch và đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 12/4/1994
thay đổi lần thứ 15 cấp ngày 29/08/2022.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn;
- Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần khách sạn Sài Gòn ngày 30 tháng 06 năm 2026;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn ngày 30 tháng 06 năm 2026.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn ngày 30 tháng 06 năm 2026 với **65 cổ đông** và người được ủy quyền dự họp, đại diện cho **9.737.556 cổ phần** tương đương **78,76%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đã thảo luận và biểu quyết thông qua các Điều sau đây:

Điều 1: Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị về tình hình quản trị, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2025, phương hướng nhiệm vụ năm 2026.

Điều 2: Thông qua Kết quả kinh doanh năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (Đvt: đồng)
1	Tổng doanh thu	57.206.964.175
a	Doanh thu kinh doanh	49.560.792.656
b	Doanh thu tài chính	7.605.163.237
c	Thu nhập khác	41.008.282
2	Tổng Chi phí	37.941.292.905
a	Chi phí kinh doanh	32.892.298.307
	<i>Trong đó: Tổng Quỹ lương được trích</i>	<i>14.560.000.000</i>
b	Chi phí cố định	4.976.439.370
	<i>Trong đó: Chi phí Khấu hao TSCĐ</i>	<i>2.039.431.810</i>
	<i>Thuế, tiền thuê đất</i>	<i>2.937.007.560</i>
c	Chi phí tài chính + Chi phí khác	72.555.228
3	Lợi nhuận trước thuế	19.265.671.270
4	Lợi nhuận sau thuế	15.653.637.727

Điều 3: Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2026



STT	Chỉ tiêu	Số tiền (Đvt: đồng)
1	Tổng doanh thu	58.850.000.000
a	Doanh thu kinh doanh	51.600.000.000
b	Doanh thu tài chính	7.200.000.000
c	Thu nhập khác	50.000.000
2	Tổng Chi phí	39.098.525.200
a	Chi phí kinh doanh	34.079.525.200
	<i>Trong đó: Tổng Quỹ lương được trích</i>	<i>14.448.000.000</i>
b	Chi phí cố định	4.977.000.000
	<i>Trong đó: + Khấu hao Tài sản cố định</i>	<i>2.040.000.000</i>
	<i>+ Thuế, tiền thuê đất</i>	<i>2.937.000.000</i>
c	Chi phí tài chính + Chi phí khác	42.000.000
3	Lợi nhuận trước thuế	19.751.474.800
4	Lợi nhuận sau thuế	15.793.179.840

Điều 4: Thông qua Báo cáo của Ban điều hành.

Điều 5: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc.

Điều 6: Thông qua Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và kiểm soát viên.

Điều 7: Thông qua Tờ trình Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Điều 8: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

STT	Diễn giải	Số tiền (Đvt: đồng)
1	Lợi nhuận trước thuế	57.206.964.175
2	Lợi nhuận sau thuế	15.653.637.727
3	Lợi nhuận chưa phân phối các năm trước	540.232.700
4	Tổng Lợi nhuận phân phối	16.193.870.427
4.1	Chia cổ tức 2025 (11%/cổ phiếu)	13.600.510.000
4.2	Thù lao HĐQT & BKS 2025	390.000.000
4.3	Trích Quỹ Khen thưởng (10% lợi nhuận sau thuế)	1.565.363.773
5	Lợi nhuận còn lại sau phân phối	637.996.654

Điều 9: Thông qua việc chi trả cổ tức năm 2025:

- ✓ Chi cổ tức 11%/cổ phiếu từ Lợi nhuận 2025 bằng tiền
- ✓ Ngày chốt danh sách thực hiện quyền chia cổ tức 2025: 17/7/2026
- ✓ Ngày chi trả cổ tức năm 2025: 30/7/2026.

Điều 10: Thông qua việc quyết toán thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2025:

3085
 ÔNG
 Ô PH
 ÁCH
 IG
 T.P.H

- Chủ tịch HĐQT: 5.000.000 đồng/tháng
- Thành viên HĐQT: 4.000.000 đồng/tháng/người x 4 người
- Trưởng BKS: 4.000.000 đồng/tháng
- Thành viên BKS: 2.500.000 đồng/tháng/người x 2 người
- Thư ký HĐQT: 2.500.000 đồng/tháng

Điều 11: Thông qua dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2026

STT	Diễn giải	Số tiền (Đvt: đồng)
1	Lợi nhuận trước thuế 2026	19.751.474.800
2	Lợi nhuận sau thuế 2026	15.793.179.840
3	Lợi nhuận dự kiến phân phối 2026, trong đó:	14.333.417.984
3.1	Chia cổ tức 2026 (10%/cổ phiếu)(dự kiến)	12.364.100.000
3.2	Trích thù lao HĐQT & BKS 2026	390.000.000
3.3	Trích Quỹ Khen thưởng (dự kiến 10% lãi sau thuế)	1.579.317.984
4	Lợi nhuận còn lại sau phân phối	1.459.761.856

Sau khi có kết quả kinh doanh thực tế năm 2026, Hội đồng quản trị sẽ trình Đại hội đồng cổ đông quyết định kế hoạch phân phối cụ thể.

Điều 12: Thông qua thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2026:

- Chủ tịch HĐQT: 5.000.000 đồng/tháng
- Thành viên HĐQT: 4.000.000 đồng/tháng/người x 4 người
- Trưởng BKS: 4.000.000 đồng/tháng
- Thành viên BKS: 2.500.000 đồng/tháng/người x 2 người
- Thư ký HĐQT: 2.500.000 đồng/tháng

Điều 13: Thông qua việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ và năm 2026.

Thông qua danh sách Công ty kiểm toán độc lập cho báo cáo tài chính giữa niên độ và năm 2026 với danh sách 03 (ba) Công ty đã được Bộ tài chính chấp thuận như sau:

+ Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY;

Địa chỉ: Tầng 05, Toà B2, Roman Plaza, Đường Tố Hữu, Phường Đại Mỗ, Tp. Hà Nội.

+ Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía Nam (AASCS);

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, TP. Hồ Chí Minh.

+ Công ty TNHH Kiểm toán Quốc Tế- CN Sài Gòn;

Địa chỉ: Lầu 4, Toà nhà Hải Âu Tic, 39B Trường Sơn, Phường Tân Sơn Nhất, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị tổ chức lựa chọn một công ty kiểm toán có tên trong danh sách các công ty kiểm toán độc lập đủ điều kiện kiểm toán theo quy định hiện hành như trên để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính giữa niên độ và năm 2026.

Điều 14: Thông qua Dự thảo Điều lệ Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn thay thế cho Điều lệ hiện hành, đảm bảo sự phù hợp và hiệu quả trong quản trị và hoạt động của Công ty.

Điều 15: Thông qua nội dung thay đổi mã ngành trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh cụ thể như sau:

- **Mã ngành 5510** – Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự (chi tiết: Kinh doanh phòng nghỉ khách sạn; Dịch vụ phòng họp cho khách tại khách sạn) do giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hiện tại chưa có mã ngành này.
 - **Mã ngành 9020** – Hoạt động biểu diễn nghệ thuật, do thay thế cho mã ngành 9000 – Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hiện tại theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg.
 - **Mã ngành 7911** – Đại lý lữ hành (chi tiết: Dịch vụ du lịch, lữ hành trong nước hoặc quốc tế) theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg.
 - **Mã ngành 6810** – Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (sửa chi tiết thành: Kinh doanh văn phòng cho thuê).
- Và Ủy quyền cho Người đại diện pháp luật của Công ty tiến hành các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật.

Điều 16: Triển khai thực hiện Nghị quyết

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành có trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị.
- Lưu P. Nhân sự



Võ Thanh Bình

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

“Về tình hình quản trị, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2025, phương hướng nhiệm vụ năm 2026

Kính thưa Đại hội đồng cổ đông,

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần khách sạn Sài Gòn, trước tiên xin cảm ơn toàn thể Quý cổ đông đã dành thời gian quý báu của mình về đây tham dự Đại hội. Tôi xin báo cáo trước Đại hội hoạt động của HĐQT năm 2025 như sau:

I. Nhân sự của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2026 hiện nay gồm 5 thành viên như sau:

- | | | |
|---|---------------------|---------------|
| 1 | Ông Võ Thanh Bình | Chủ tịch HĐQT |
| 2 | Ông Phạm Thanh Bình | Thành viên |
| 3 | Bà Lê Thị Thuý Hà | Thành viên |
| 4 | Bà Phan Ngọc Bích | Thành viên |
| 5 | Ông Trần Tiến | Thành viên |

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

1. Kết quả kinh doanh:

Kết quả kinh doanh 2025 được tóm tắt như sau:

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	THỰC HIỆN NĂM 2024	NĂM 2025		TH2025/ TH2024	TH2025/ KH 2025
			KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN		
1	Tổng doanh thu kinh doanh	45.321.189.684	48.000.000.000	49.560.792.656	109,4%	103,3%
2	Tổng chi phí kinh doanh	29.591.788.649	31.182.000.000	32.892.298.307	111,2%	105,5%
3	Lợi nhuận trước thuế	13.347.841.494	17.038.000.000	19.265.671.270	144,3%	113,1%
	- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.585.966.259	2.793.000.000	2.039.431.810	78,9%	73,0%
	- Thuế, tiền thuê đất	5.706.196.004	2.934.000.000	2.934.007.560	51,4%	100,0%
4	Lợi nhuận sau thuế	10.630.287.846	13.622.400.000	15.653.637.727	147,3%	114,9%

Tiếp nối những kết quả đạt được năm 2024, cùng với sự chỉ đạo quyết liệt của Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh doanh được Đại hội cổ đông đề ra.

Trong đó Doanh thu đạt 103,3% so với kế hoạch. Đó là sự cố gắng của HĐQT, BKS, Ban điều hành và tập thể người lao động của Công ty. Chi phí kinh doanh tăng 5,5% so với kế hoạch

chủ yếu do Công ty trích bổ sung chi phí lương vượt kế hoạch kinh doanh năm 2025. Lợi nhuận trước thuế đạt 113,1% so với kế hoạch.

2. Hoạt động của HĐQT trong năm 2025:

Trong năm 2025 HĐQT đã tổ chức 5 buổi họp định kỳ nhằm tăng cường công tác quản trị cũng như bám sát, định hướng tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Các buổi họp đều được chuẩn bị chu đáo và tiến hành nghiêm túc, đảm bảo các nội dung đều mang tính kịp thời.

HĐQT thường xuyên kiểm tra, đôn đốc Công ty thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, phối hợp với Ban điều hành để cùng giải quyết các vấn đề phát sinh. Trong đó có một số vấn đề quan trọng sau:

- Giám sát và chỉ đạo Ban điều hành kịp thời, hiệu quả;
- Theo dõi hoạt động kinh doanh thông qua hệ thống báo cáo định kỳ;
- Phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát trong công tác giám sát;
- Thông qua việc trích bổ sung một tháng lương chi thường vượt kế hoạch 2025;
- Thông qua việc thay đổi nhân sự Kế toán trưởng từ bà Nguyễn Thị Hương sang bà Lê Ngọc Thuý;
- Thường xuyên đôn đốc ban điều hành làm việc với các cơ quan ban ngành để nhanh chóng hoàn tất đóng tiền thuê đất một lần.

Nhằm nâng cao tính minh bạch, định kỳ 6 tháng HĐQT đều có báo cáo Quản trị đăng tải trên hệ thống website Công ty, đồng thời giúp cổ đông nắm rõ được tình hình hoạt động của Công ty.

3. Đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT

- Tham gia tích cực, đầy đủ các cuộc họp HĐQT và đóng góp ý kiến, thảo luận cần thiết.
- Tư vấn cho Ban điều hành trong nhiều chính sách, định hướng kinh doanh.
- Tuân thủ đúng pháp luật, thực hiện các quyền, nhiệm vụ được phân công trên cơ sở của Quy chế hoạt động của HĐQT.

4. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025

a) Giám sát, thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ

Cam kết duy trì tính trung thực tuyệt đối và đặt lợi ích của Công ty cùng Quý Cổ đông làm trọng tâm, Hội đồng Quản trị đã thực thi hiệu quả vai trò chỉ đạo, giám sát chặt chẽ, đồng thời đưa ra những định hướng chiến lược kịp thời.

Qua đó, Hội đồng hỗ trợ hiệu quả hoạt động của Ban Điều hành bằng cách đưa ra các quyết định nhanh nhạy, linh hoạt trước những vấn đề trọng yếu, đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng giữa tầm nhìn quản trị và điều hành thực tiễn.

Trong năm 2025, HĐQT đã thực hiện đầy đủ các nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua, trong đó có một số vấn đề quan trọng như sau:

- Tổ chức thành công ĐHĐCĐ năm 2025;
- Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2025;
- Lựa chọn Công ty Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY là đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính theo ủy quyền của ĐHĐCĐ;
- Chi thù lao cho HĐQT và BKS trong năm 2025.

b) Giám sát hoạt động kinh doanh năm 2025

c) Chuẩn bị tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2026

- Thời gian: dự kiến 8 giờ 30 phút, Thứ Ba, ngày 30 tháng 6 năm 2026
- Địa điểm: Lầu 10, phòng họp Lotus - Khách sạn Sài Gòn

41 - 47 Đông Du, Phường Sài Gòn, TP.HCM

d) Công tác chỉ đạo quản trị tài chính, chấp hành pháp luật, Điều lệ công ty

Thực hiện và chấp hành nghiêm chỉnh công tác quản lý tài chính và tổ chức hạch toán kế toán đúng quy định của pháp luật. Vốn chủ sở hữu được bảo toàn, tình hình tài chính của Công ty lành mạnh, không có nợ xấu.

Trong hoạt động Công ty, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát hoạt động của Công ty phải tuân thủ đầy đủ pháp luật của Nhà nước, Điều lệ công ty.

5. Kết quả hoạt động của từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2025.

- Trong năm 2025, các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị đã tổ chức 5 cuộc họp, các thành viên tham gia đầy đủ, tích cực thảo luận, biểu quyết và đóng góp ý kiến đối với các nội dung quan trọng trong hoạt động quản trị và định hướng phát triển công ty.

- Từng thành viên Hội đồng quản trị đều thể hiện tinh thần trách nhiệm, góp phần xây dựng và hoàn thiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh, đồng thời giám sát hiệu quả hoạt động của Ban điều hành. Trong năm, không phát sinh trường hợp vi phạm nghĩa vụ hoặc xung đột lợi ích cá nhân trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

- **Đánh giá chung:** Các thành viên Hội đồng quản trị đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đảm bảo vai trò quản trị và giám sát theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

III. KẾ HOẠCH NĂM 2026

1. Các chỉ tiêu chính

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Tỷ lệ %
1	Doanh thu kinh doanh	49.560.792.656	51.600.000.000	104,1%
2	Chi phí kinh doanh	32.892.298.307	34.079.525.200	103,6%
3	Lợi nhuận trước thuế	19.265.671.270	19.751.474.800	102,5%
	- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.039.431.810	2.040.000.000	100,0%
	- Thuế, tiền thuê đất	2.934.007.560	2.934.000.000	100,0%

2. Phương hướng nhiệm vụ và công tác chỉ đạo năm 2026:

- **Nâng cao chất lượng dịch vụ:** Tập trung tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng thông qua mô hình dịch vụ cá nhân hóa, đồng thời chú trọng công tác đào tạo chuyên môn và chuẩn hóa đội ngũ nhân sự nhằm hoàn thiện quy trình phục vụ chuyên nghiệp.

- **Mở rộng thị trường mục tiêu:** Đẩy mạnh chiến lược tiếp thị kỹ thuật số, tăng cường liên kết, hợp tác với các đối tác lữ hành quốc tế và tổ chức sự kiện để thu hút nguồn khách nội địa lẫn quốc tế.

- **Đa dạng hóa dịch vụ:** Nghiên cứu và phát triển các sản phẩm ẩm thực đặc trưng độc đáo kết hợp không gian hội nghị thông minh nhằm đáp ứng linh hoạt các phân khúc nhu cầu đa dạng của thị trường.

- **Xây dựng thương hiệu xanh:** Triển khai các giải pháp tiết kiệm năng lượng, tối ưu hóa quy trình kiểm soát rác thải và ưu tiên sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

- **Gia tăng giá trị cộng đồng:** Tham gia các hoạt động an sinh xã hội, đồng hành cùng công tác bảo tồn văn hóa địa phương, duy trì cơ chế thông tin minh bạch để củng cố uy tín và hình ảnh thương hiệu.

- Trên đây là báo cáo của HĐQT Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn về tình hình Công ty năm 2025. HĐQT cam kết thực thi nhiệm vụ trên tinh thần trung thực, cẩn trọng nhằm đáp ứng sự mong đợi của Quý Cổ đông, đồng thời tối đa hóa lợi ích cho Công ty.

IV. THÙ LAO VÀ LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT

Thù lao và các lợi ích khác của HĐQT, Ban kiểm soát được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp với kết quả hoạt động kinh doanh và tuân thủ quy định hiện hành.

Thù lao HĐQT: Mức chi thù lao HĐQT và BKS năm 2026 như sau:

- Chủ tịch HĐQT: 5.000.000đ/ tháng
- Thành viên HĐQT: 4.000.000đ/ tháng
- Trưởng Ban kiểm soát: 4.000.000đ/ tháng
- Thành viên Ban kiểm soát: 2.500.000đ/ tháng
- Thư ký HĐQT: 2.500.000đ/ tháng

Việc chi trả được thực hiện trên nguyên tắc minh bạch, hợp lý và gắn với hiệu quả hoạt động của Công ty.

V. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch với bên liên quan (nếu có) được thực hiện theo đúng quy định pháp luật, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch và theo giá thị trường.

HĐQT đã giám sát chặt chẽ nhằm đảm bảo quyền lợi hợp pháp của Công ty và Quý Cổ đông.

VI. KIẾN NGHỊ ĐHĐCĐ

HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua các nội dung: Báo cáo tình hình quản trị, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2025, kế hoạch kinh doanh năm 2026 cùng các nội dung khác thuộc thẩm quyền Đại hội.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 05 năm 2026



Số: 01/2026/BC-BĐH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 05 năm 2026

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm qua, bối cảnh kinh tế trong nước và quốc tế tiếp tục có nhiều biến động, đặt ra không ít thách thức đối với hoạt động của doanh nghiệp. Tuy nhiên, dưới sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị và sự đồng hành, ủng hộ của Quý Cổ đông, Ban điều hành đã chủ động triển khai nhiều giải pháp đồng bộ nhằm duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao hiệu quả vận hành.

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2025

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	THỰC HIỆN NĂM 2024	NĂM 2025		TH2025/ TH2024	TH2025/ KH 2025
			KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN		
1	Tổng doanh thu kinh doanh	45.321.189.684	48.000.000.000	49.560.792.656	109,4%	103,3%
2	Tổng chi phí kinh doanh	29.591.788.649	31.182.000.000	32.892.298.307	111,2%	105,5%
3	Lợi nhuận trước thuế	13.347.841.494	17.038.000.000	19.265.671.270	144,3%	113,1%
	- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.585.966.259	2.793.000.000	2.039.431.810	78,9%	73,0%
	- Thuế, tiền thuê đất	5.706.196.004	2.934.000.000	2.934.007.560	51,4%	100,0%
4	Lợi nhuận sau thuế	10.630.287.846	13.622.400.000	15.653.637.727	147,3%	114,9%

Hoạt động kinh doanh tiếp tục được duy trì ổn định, các chỉ tiêu chính cơ bản đạt được kế hoạch đã đề ra.

II. HOẠT ĐỘNG ĐIỀU HÀNH VÀ QUẢN TRỊ

- Ban điều hành đã phối hợp tốt với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong việc điều hành công ty.

- Công ty quản lý chi phí; kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro tiếp tục được thắt chặt nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh diễn ra an toàn, minh bạch và tuân thủ các quy định của pháp luật.

- Triển khai đầy đủ, nghiêm túc và đúng pháp luật các Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.

- Với nguồn nhân lực còn mỏng, Ban điều hành đã nỗ lực xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, gắn kết, đồng thời chú trọng công tác đào tạo hướng dẫn để tối ưu hóa hiệu suất làm việc.

- Bên cạnh những kết quả đạt được, Ban điều hành thẳng thắn nhìn nhận còn một số thời điểm bị động trước những khó khăn phát sinh. Áp lực cạnh tranh ngày càng gia tăng, biến động của thị trường và các yếu tố đầu vào đặc biệt là tiền thuê đất đã ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả kinh doanh. Đồng thời, một số mảng hoạt động vẫn cần thêm thời gian để phát huy hiệu quả như kỳ vọng.

III. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Tỷ lệ %
1	Doanh thu kinh doanh	49.560.792.656	51.600.000.000	104,1%
2	Chi phí kinh doanh	32.892.298.307	34.079.525.200	103,6%
3	Lợi nhuận trước thuế	19.265.671.270	19.751.474.800	102,5%
	- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.039.431.810	2.040.000.000	100,0%
	- Thuế, tiền thuê đất	2.934.007.560	2.934.000.000	100,0%

Trong năm 2026, Ban điều hành xác định mục tiêu trọng tâm là tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động, củng cố nền tảng tài chính vững chắc và thúc đẩy xu hướng tăng trưởng bền vững. Trên cơ sở đó, các định hướng chiến lược chính sẽ được tập trung triển khai.

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kinh doanh theo hướng nâng cao chất lượng dịch vụ, mở rộng thị trường và gia tăng giá trị bền vững cho khách hàng.

- Hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp theo các thông lệ tốt, tăng cường năng lực kiểm soát rủi ro và đảm bảo tính minh bạch tuyệt đối trong mọi hoạt động.

- Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ nhân sự có năng lực chuyên môn, tinh thần trách nhiệm cao và khả năng thích ứng linh hoạt với những thay đổi của thị trường.

Với các định hướng nêu trên, Ban điều hành cam kết sẽ nỗ lực cao nhất để thực hiện hiệu quả các mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị phê duyệt, đồng thời không ngừng nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, đảm bảo tối đa quyền lợi chính đáng của Quý Cổ đông và các bên liên quan.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

- Trên cơ sở giả định chi phí tiền thuê đất năm 2026 duy trì ổn định bằng năm 2025, Ban điều hành đề xuất Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2026 như đã nêu trên.

Những thành quả đạt được trong năm qua là minh chứng cho sự tin tưởng, ủng hộ của Quý Cổ đông, sự chỉ đạo kịp thời của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cùng tinh thần trách nhiệm, nỗ lực không ngừng của toàn thể cán bộ nhân viên Công ty. Thay mặt Ban điều hành, tôi xin bày tỏ lời cảm ơn chân thành và sâu sắc tới tất cả Quý vị.

Ban điều hành cam kết nỗ lực cao nhất để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần vào sự phát triển bền vững của Công ty.

Trân trọng./.

TM BAN ĐIỀU HÀNH

GIÁM ĐỐC



Phan Ngọc Bích



BÁO CÁO

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026

Trình Đại hội đồng cổ đông Thường niên năm 2026

Kính thưa Đại hội đồng Cổ đông,

Thay mặt Ban Điều hành Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn, tôi xin trân trọng cảm ơn Quý Cổ đông đã dành thời gian quý báu đến tham dự Đại hội và luôn đồng hành cùng sự phát triển của Công ty trong suốt thời gian qua.

Sau đây, Ban Điều hành xin trình bày Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch kinh doanh năm 2026 để Đại hội xem xét, thảo luận và thông qua.

PHẦN 1

KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2025

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Năm 2025 đánh dấu bước phục hồi và tăng trưởng vượt bậc của du lịch Việt Nam, không chỉ về quy mô khách mà còn về chất lượng và hiệu quả kinh tế. Theo đó, Việt Nam ước đón khoảng 21,5 triệu lượt khách quốc tế và phục vụ khoảng 135,5 triệu lượt khách nội địa, tổng thu từ du lịch đạt trên một triệu tỷ đồng, tăng 22,1% so với năm 2024.

Tại Thành phố Hồ Chí Minh, doanh thu từ du lịch ước đạt 260 nghìn tỷ đồng, tăng 36,1% so với năm 2024. Thành phố đón hơn 53,5 triệu lượt khách, trong đó, khách quốc tế ước đạt 8,5 triệu lượt và tăng gần 40% so với năm trước.

Trong bối cảnh thị trường du lịch phục hồi mạnh mẽ nhưng cũng tiềm ẩn nhiều áp lực cạnh tranh, dưới sự chỉ đạo của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, cùng với sự chủ động, linh hoạt trong điều hành, Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn đã chủ động triển khai đồng bộ các giải pháp linh hoạt, thích ứng với diễn biến thị trường. Nhờ đó, hoạt động kinh doanh trong năm 2025 ghi nhận những kết quả tích cực, không chỉ hoàn thành mà còn vượt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, đồng thời tiếp tục củng cố nền tảng phát triển bền vững cho các giai đoạn tiếp theo.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2025

1. Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT năm 2025

Công ty đã triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị năm 2025.

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh năm 2025

ĐVT: đồng

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2024	NĂM 2025		SO SÁNH TH2025/TH 2024		SO SÁNH TH2025/KH 2025	
			KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	Số tiền	%	Số tiền	%
I	DOANH THU KINH DOANH	45.321.189.684	48.000.000.000	49.560.792.656	4.239.602.972	109,4%	1.560.792.656	103,3%
1	Phòng ngủ	28.231.493.059	29.927.000.000	31.940.312.676	3.708.819.617	113,1%	2.013.312.676	106,7%
	Công suất phòng	72,0%	76,6%	78,5%	0	109,1%	0	102,5%
	Giá phòng bình quân	1.249.900	1.244.366	1.295.753	45.853	103,7%	51.387	104,1%
2	Ăn uống	7.567.675.450	8.173.000.000	8.187.125.546	619.450.096	108,2%	14.125.546	100,2%
	Ăn uống phòng	2.902.901.812	3.135.000.000	3.004.775.065	101.873.253	103,5%	(130.224.935)	95,8%
	Ăn uống nhà hàng	1.968.130.890	2.126.000.000	1.995.409.091	27.278.201	101,4%	(130.590.909)	93,9%
	Ăn uống tiệc hội nghị	2.696.642.748	2.912.000.000	3.186.941.390	490.298.642	118,2%	274.941.390	109,4%
3	Cho thuê phòng hội nghị	2.503.489.577	2.704.000.000	2.149.088.117	(354.401.460)	85,8%	(554.911.883)	79,5%
4	Cho thuê mặt bằng	4.494.426.141	4.471.000.000	4.283.339.093	(211.087.048)	95,3%	(187.660.907)	95,8%
5	Dịch vụ khác	591.313.988	638.000.000	872.616.323	281.302.335	147,6%	234.616.323	136,8%
6	Phí phục vụ	1.932.791.469	2.087.000.000	2.128.310.901	195.519.432	110,1%	41.310.901	102,0%
II	CHI PHÍ KINH DOANH	29.591.788.649	31.182.000.000	32.892.298.307	3.300.509.658	111,2%	1.710.298.307	105,5%
	%/ Tổng doanh thu	65,3%	65,0%	66,4%	0	101,6%	0	102,2%
1	Nguyên vật liệu	2.960.821.107	3.430.000.000	3.376.899.365	416.078.258	114,1%	(53.100.635)	98,5%
	%/ Doanh thu Ăn uống	39,1%	42,00%	41,2%	0	105,4%	(0)	98,2%
2	Chi phí trực tiếp	24.698.176.073	25.665.000.000	27.387.088.041	2.688.911.968	110,9%	1.722.088.041	106,7%
	%/ Tổng doanh thu	54,5%	53,5%	55,3%	0	101,4%	0	103,3%
2,1	Chi phí nhân công (BH+Com +KPCĐ)	15.470.210.767	15.935.000.000	17.624.174.217	2.153.963.450	113,9%	1.689.174.217	110,6%
	%/ Tổng doanh thu	34,13%	33,20%	35,56%	0	104,2%	0	107,1%
a	Trong đó, chi phí lương	12.629.000.000	13.440.000.000	14.560.000.000	1.931.000.000	115,3%	1.120.000.000	108,3%
b	% lương trên tổng doanh thu	27,87%	28,00%	29,38%	0	105,4%	0	104,9%
2,2	Chi phí vật liệu	563.674.495	580.000.000	630.180.265	66.505.770	111,8%	50.180.265	108,7%
2,3	Chi phí CCDC	600.533.858	1.100.000.000	670.770.297	70.236.439	111,7%	(429.229.703)	61,0%
2,4	Chi phí mua ngoài	4.123.169.643	4.150.000.000	4.809.485.537	686.315.894	116,6%	659.485.537	115,9%
2,5	Chi phí bằng tiền khác	3.940.587.310	3.900.000.000	3.652.477.725	(288.109.585)	92,7%	(247.522.275)	93,7%
3	Chi phí phí phục vụ	1.932.791.469	2.087.000.000	2.128.310.901	195.519.432	110,1%	41.310.901	102,0%
III	LÃI GỘP (III=I-II)	15.729.401.035	16.818.000.000	16.668.494.349	939.093.314	106,0%	(149.505.651)	99,1%
l	%/ Tổng doanh thu	34,7%	35,0%	33,6%	(0)	96,9%	(0)	96,0%
IV	CHI PHÍ CỐ ĐỊNH	8.295.162.263	5.730.000.000	4.976.439.370	(3.318.722.893)	60,0%	(753.560.630)	86,8%
1	Chi phí khấu hao TSCĐ	2.585.966.259	2.793.000.000	2.039.431.810	(546.534.449)	78,9%	(753.568.190)	73,0%
2	Thuế, tiền thuê đất	5.709.196.004	2.937.000.000	2.937.007.560	(2.772.188.444)	51,4%	7.560	100,0%
V	HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	5.941.873.007	5.940.000.000	7.604.643.487	1.662.770.480	128,0%	1.664.643.487	128,0%
1	Thu nhập tài chính	5.942.204.482	5.945.000.000	7.605.163.237	1.662.958.755	128,0%	1.660.163.237	127,9%
2	Chi phí tài chính	331.475	5.000.000	519.750	188.275	156,8%	(4.480.250)	10,4%
VI	HOẠT ĐỘNG KHÁC	-28.270.285	10.000.000	-31.027.196	(2.756.911)	109,8%	(41.027.196)	-310,3%

1	Thu nhập khác	45.354.890	50.000.000	41.008.282	(4.346.608)	90,4%	(8.991.718)	82,0%
2	Chi phí khác	73.625.175	40.000.000	72.035.478	(1.589.697)	97,8%	32.035.478	180,1%
VII	LÃI TRƯỚC THUẾ (VII = III-IV+V+VI)	13.347.841.494	17.038.000.000	19.265.671.270	5.917.829.776	144,3%	2.227.671.270	113,1%
1	%/Tổng doanh thu	29,45%	35,50%	38,87%	0	132,0%	0	109,5%
1	Thuế TNDN	2.717.553.648	3.415.600.000	3.612.033.543	894.479.895	132,9%	196.433.543	105,8%
VIII	LÃI SAU THUẾ (VIII = VII- B54)	10.630.287.846	13.622.400.000	15.653.637.727	5.023.349.881	147,3%	2.031.237.727	114,9%
1	%/Tổng doanh thu	23,46%	28,38%	31,58%		134,66%		111,29%
IX	LAO ĐỘNG - TIỀN LƯƠNG							
1	Tổng số CBCNV	73	78	76	3	104,1%	(2)	97,4%
2	Tổng quỹ lương	12.629.000.000	13.440.000.000	14.560.000.000	1.931.000.000	115,3%	1.120.000.000	108,3%
3	Tiền lương bình quân (người/tháng)	9.354.909	9.629.254	8.911.436	(443.473)	95,3%	(717.818)	92,5%
4	Tiền lương bình quân (người/tháng) (không tính Ban Điều hành)	8.491.667	8.857.918	7.830.526	(661.141)	92,2%	(1.027.392)	88,4%
5	Thu nhập bình quân (người/tháng)	17.111.588	15.860.924	16.759.651	(351.937)	97,9%	898.727	105,7%
6	Thu nhập bình quân (người/tháng) (không tính Ban Điều hành)	15.991.911	15.157.077	15.432.048	(559.863)	96,5%	274.971	101,8%
X	CHỈ TIÊU HIỆU QUẢ LAO ĐỘNG							
1	Năng suất lao động (Doanh thu/số lao động bình quân/năm)	620.838.000	615.385.000	652.116.000	31.278.000	105,0%	36.731.000	106,0%
2	Hiệu suất lao động (Lãi sau thuế/ số lao động bình quân/năm)	145.620.000	174.646.000	205.969.000	60.349.000	141,4%	31.323.000	117,9%

Năm 2025, Công ty đạt tổng doanh thu 49,56 tỷ đồng, tăng 9,4% so với năm 2024 và vượt 3,3% so với kế hoạch năm 2025, cho thấy hoạt động kinh doanh tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định.

Lợi nhuận trước thuế đạt 19,27 tỷ đồng, tăng 5,92 tỷ đồng, tương ứng tăng 44,3% so với năm 2024 và vượt 13,1% so với kế hoạch năm 2025.

Lợi nhuận sau thuế đạt 15,65 tỷ đồng, tăng 5,02 tỷ đồng, tương ứng tăng 47,3% so với năm 2024 và vượt 14,9% kế hoạch năm 2025.

3. Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh doanh năm 2025 theo từng loại hình dịch vụ

3.1 Kinh doanh phòng ngủ

Năm 2025, Công ty đã phục vụ khoảng 24.650 đêm phòng, với tổng số 16.420 lượt khách lưu trú.

Cơ cấu nguồn khách tiếp tục được đa dạng hóa, trong đó, khách công ty (COP) chiếm 19,7%, khách đặt phòng qua mạng (OTA) chiếm 42,9%, khách du lịch (TA) chiếm 20,3%, khách vắng lại và các đối tượng khác chiếm 17,1%.

Về cơ cấu thị trường, các quốc gia có tỷ trọng khách lưu trú cao bao gồm: Việt Nam (24,43%), Trung Quốc (16,2%), Nhật Bản (15,4%), Đức (6,6%), cùng các thị trường khác như Hàn Quốc, Singapore, Malaysia, Ấn Độ và Hoa Kỳ.

Doanh thu kinh doanh phòng ngủ năm 2025 đạt 31,94 tỷ đồng, tăng 3,7 tỷ đồng, tương ứng tăng 13,1% so với thực hiện năm 2024 và vượt 2 tỷ đồng, đạt 106,7% so với kế hoạch đề ra. Công suất phòng bình quân đạt 78,5%. Giá phòng bình quân đạt 1.296.000 đồng.

Hoạt động kinh doanh phòng tiếp tục tăng trưởng so với năm 2024 và giữ vai trò chủ lực, doanh thu phòng chiếm 64,4% tổng doanh thu của Công ty.

3.2 Kinh doanh ẩm thực

Doanh thu kinh doanh ẩm thực đạt 8,2 tỷ đồng, tăng 619 triệu đồng, tương ứng tăng 8,2% so với năm 2024 và tăng 14 triệu đồng, đạt 100,2% so với kế hoạch đề ra.

Doanh thu từ hoạt động ẩm thực chiếm tỷ trọng 17% trên tổng doanh thu của Công ty.

Bên cạnh việc duy trì hiệu quả kinh doanh từ tiệc, hội nghị và khách phòng, Ban Điều hành đã chủ động xây dựng kế hoạch kinh doanh a la carte theo hướng linh hoạt nhằm tối đa hoá hiệu quả khai thác dịch vụ ẩm thực và đa dạng hoá nguồn thu.

3.3 Kinh doanh các dịch vụ khác

Doanh thu cho thuê phòng hội nghị đạt 2,1 tỷ đồng, giảm 354 triệu đồng so với năm 2024 và đạt 79,5% kế hoạch.

Nguyên nhân chủ yếu do Khách sạn chỉ có 2 phòng hội nghị nhỏ (Phòng Apricot 128 m², phòng Lotus 198 m²), hạn chế về sức chứa và tình trạng cơ sở vật chất xuống cấp ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh với các đối thủ trong khu vực. Bên cạnh đó, trong bối cảnh chung của thị trường, nhiều doanh nghiệp có xu hướng tiết giảm chi phí, hạn chế tổ chức các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, đồng thời việc sắp xếp tinh gọn bộ máy hành chính tại các đơn vị cũng làm giảm nhu cầu tổ chức các hội nghị, sự kiện tập trung trong ngắn hạn.

Doanh thu cho thuê mặt bằng đạt 4,3 tỷ đồng, giảm 211 triệu đồng so với năm 2024 và đạt 95,8% so với kế hoạch.

Nguyên nhân chủ yếu do đối tác tại mặt bằng cho thuê tại tầng 1 (diện tích khoảng 400 m²) chấm dứt hợp đồng thuê và trả mặt bằng từ ngày 15/07/2025. Từ đó đến nay, Ban Điều hành vẫn đang chờ chủ trương cho thuê từ Hội đồng Quản trị, vì vậy mặt bằng vẫn chưa được khai thác trở lại, ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn thu từ hoạt động này.

Doanh thu dịch vụ khác đạt 872 triệu đồng, tăng 281 triệu đồng, tương ứng tăng 47,6% so với năm 2024, tăng 234 triệu đồng và đạt 136,8% so với kế hoạch.

Doanh thu Phí phục vụ đạt 2 tỷ 128 triệu đồng, tăng 195 triệu đồng, tương ứng tăng 10,1% so với năm 2024 và tăng 41 triệu đồng, đạt 102% so với kế hoạch.

3.4. Kinh doanh hoạt động tài chính:

Doanh thu hoạt động tài chính đạt 7,6 tỷ đồng, tăng 1,7 tỷ đồng, tương ứng tăng 28% so với năm 2024 và tăng 1,7 tỷ đồng, đạt 127,9% so với kế hoạch năm 2025 do ghi nhận nguồn thu từ nhận cổ tức OCB năm 2024 là 1,4 tỷ đồng, còn lại chủ yếu là nguồn thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

4. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện chi phí

4.1 Chi phí kinh doanh

Năm 2025, tổng chi phí kinh doanh của Công ty là 32,9 tỷ đồng; tăng 3,3 tỷ đồng, tương ứng tăng 11,2% so với năm 2024 và tăng 5,5% so với kế hoạch. Tỷ lệ chi phí trên doanh thu ở mức 66,4%. Trong đó:

Chi phí nguyên vật liệu là 3,4 tỷ đồng, tiêu hao nguyên vật liệu được kiểm soát ở mức 41,2%, tăng 14,1% so với năm 2024 do biến động giá đầu vào, tuy nhiên vẫn thấp hơn 0,8% so với kế hoạch năm 2025. Công ty chủ động duy trì chính sách giá bán phù hợp, đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm thu hút khách.

Chi phí nhân công (bao gồm lương, tiền cơm, các khoản bảo hiểm bắt buộc và kinh phí công đoàn) là 17,6 tỷ đồng; chiếm 35,6% tổng chi phí kinh doanh. Trong đó: Chi phí lương là 14,6 tỷ đồng tương đương 29,4% trên tổng doanh thu. Chi phí này tăng 1,9 tỷ đồng, tương đương tăng 13,9% so với năm 2024 chủ yếu do Công ty thực hiện trích và chi trả bổ sung 01 (một) tháng tiền lương theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01/2026/NQ-HĐQT ngày 27/2/2026 nhằm ghi nhận đóng góp của cán bộ người lao động khi đơn vị hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh năm 2025, đồng thời tạo động lực thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2026.

Chi phí công cụ dụng cụ thực hiện ở mức 670 triệu đồng, tăng 11,7% so với năm 2024 nhưng chỉ ở mức 61% kế hoạch.

Chi phí mua ngoài (điện, nước, giặt ủi và chi phí vận hành khác) tăng 16,6% so với năm 2024 chủ yếu do giá điện, nước và chi phí dịch vụ đầu vào tăng.

Chi phí bằng tiền khác giảm 288 triệu đồng, tương ứng giảm 7,3% so với năm 2024.

Mặc dù tổng chi phí kinh doanh năm 2025 có xu hướng tăng theo doanh thu và biến động của thị trường, tuy nhiên mức tăng này nằm trong phạm vi kiểm soát và phù hợp với định hướng mở rộng hoạt động kinh doanh. Công ty đã chủ động kiểm soát chặt chẽ các khoản chi, đặc biệt là chi phí vận hành và chi phí mua ngoài, qua đó đảm bảo hiệu quả hoạt động của Công ty.

4.2 Chi phí cố định

Chi phí cố định của Công ty chủ yếu bao gồm chi phí khấu hao tài sản cố định và tiền thuê đất. Năm 2025, chi phí cố định ghi nhận ở mức 4,9 tỷ đồng, giảm 13,2% so với kế hoạch đề ra và giảm 3,3 tỷ đồng, tương ứng giảm 40% so với năm 2024. Nguyên nhân chủ yếu do trong năm 2024, Công ty thực hiện tạm trích bổ sung chi phí tiền thuê đất theo quy định hiện hành cho các năm từ 2021-2023 với tổng số tiền là 2,77 tỷ đồng dẫn đến chi phí ghi nhận tăng cao trong năm 2024.

5. Lợi nhuận

Trên cơ sở doanh thu tăng trưởng và chi phí được kiểm soát tốt, lợi nhuận kế toán trước thuế và lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2025 đều vượt kế hoạch đề ra.

Lợi nhuận kế toán trước thuế đạt là 19,3 tỷ đồng, tăng 5,9 tỷ đồng, tương ứng tăng 44,3% so với thực hiện năm 2024 và tăng 2,2 tỷ đồng, đạt 113,1% so với kế hoạch năm 2025. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng doanh thu là 38,9%.

Lợi nhuận sau thuế đạt 15,6 tỷ đồng, tăng 5 tỷ đồng, tương ứng tăng 47,3% so với năm 2024 và tăng 2 tỷ đồng, đạt 114,9% so với kế hoạch năm 2025.

Kết quả này chủ yếu đến từ việc tăng trưởng doanh thu kinh doanh và doanh thu hoạt động tài chính, đồng thời chi phí được kiểm soát hiệu quả.

Tháng 7/2025, Công ty đã thực hiện chi 8,6 tỷ đồng để chi trả cổ tức còn lại năm 2024 cho

cổ đông theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ2025 ngày 19/06/2025.

6. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025, Công ty dự kiến phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:

ĐVT: đồng

STT	Diễn giải	Thực hiện 2025
1	Lợi nhuận trước thuế	19.265.671.270
2	Lợi nhuận sau thuế	15.653.637.727
3	Lợi nhuận chưa phân phối các năm trước	540.232.700
4	Tổng Lợi nhuận dự kiến phân phối	16.193.870.427
4.1	Chia cổ tức 2025 (11%/cp) (dự kiến)	13.600.510.000
4.2	Thù lao HĐQT & BKS 2025	390.000.000
4.3	Trích Quỹ Khen thưởng (dự kiến 10% lợi nhuận sau thuế)	1.565.363.773
5	Lợi nhuận còn lại sau phân phối	637.996.654

PHẦN 2.

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Theo dự báo của Tổ chức Du lịch Thế giới (UN Tourism), năm 2026, ngành du lịch toàn cầu tiếp tục đà phục hồi ổn định, với lượng khách quốc tế dự kiến tăng khoảng 3% - 4% so với năm 2025.

Trong nước, ngành du lịch Việt Nam đặt mục tiêu đón khoảng 25 triệu lượt khách quốc tế, phục vụ 150 triệu lượt khách nội địa, tổng thu ước đạt khoảng 1,125 triệu tỷ đồng. Đồng thời, Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam sẽ phối hợp với các địa phương và doanh nghiệp rà soát lại tiềm năng và lợi thế của các địa phương sau sáp nhập, từng bước hoàn thiện quy hoạch và phát triển sản phẩm du lịch phù hợp với bối cảnh mới.

Những chỉ tiêu kế hoạch nêu trên cho thấy ngành du lịch tiếp tục duy trì xu hướng tăng trưởng tích cực, tạo nền tảng thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2026. Tuy nhiên, thị trường vẫn tiềm ẩn nhiều thách thức, đặc biệt là áp lực cạnh tranh ngày càng gia tăng, chi phí đầu vào có xu hướng tăng, cùng với yêu cầu ngày càng cao về chất lượng sản phẩm và dịch vụ.

II. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026

1. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026

Trên cơ sở đánh giá toàn diện bối cảnh thị trường và triển vọng của ngành du lịch, kế hoạch kinh doanh năm 2026 được xây dựng trên nguyên tắc thận trọng, bám sát diễn biến thực tế của thị trường, đồng thời đảm bảo tính khả thi và hiệu quả trong việc triển khai thực hiện. Theo đó, Công ty định hướng tập trung tăng trưởng vào các hoạt động kinh doanh cốt lõi, bao gồm: lưu trú, ẩm thực và hội nghị, với mức tăng dự kiến tăng trưởng 7% so với năm 2025. Tuy nhiên, do sự sụt giảm của doanh thu từ hoạt động cho thuê mặt bằng, tổng doanh thu toàn Công ty dự kiến tăng ở

mức 4%. Định hướng này thể hiện tính thận trọng nhưng chủ động, cân bằng giữa mục tiêu tăng trưởng và kiểm soát rủi ro trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động.

Công ty đề ra các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2026 như sau:

ĐVT: đồng

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2025	KẾ HOẠCH 2026	SO SÁNH KH2026/TH 2025	
				Chênh lệch Số tiền	%
I	DOANH THU KINH DOANH	49.560.792.656	51.600.000.000	2.039.207.344	104,1%
1	Doanh thu Phòng ngủ	31.940.312.676	34.176.000.000	2.235.687.324	107,0%
	<i>Số phòng hiện có</i>	86	86		
	<i>Công suất phòng</i>	78,5%	79,0%		
	<i>Giá phòng bình quân (không bao gồm AS, PPV, VAT)</i>	1.295.753	1.378.065		
2	Doanh thu Ẩm thực	8.187.125.546	8.761.000.000	573.874.454	107,0%
	<i>Ẩn uống phòng</i>	3.004.775.065	3.216.000.000	211.224.935	107,0%
	<i>Ẩn uống nhà hàng</i>	1.995.409.091	2.135.000.000	139.590.909	107,0%
	<i>Ẩn uống tiệc hội nghị</i>	3.186.941.390	3.410.000.000	223.058.610	107,0%
3	Doanh thu cho thuê phòng hội nghị	2.149.088.117	2.300.000.000	150.911.883	107,0%
4	Doanh thu cho thuê mặt bằng	4.283.339.093	3.170.000.000	(1.113.339.093)	74,0%
5	Doanh thu dịch vụ khác	872.616.323	934.000.000	61.383.677	107,0%
6	Phí phục vụ	2.128.310.901	2.259.000.000	130.689.099	106,1%
II	CHI PHÍ KINH DOANH	32.892.298.307	34.079.525.200	1.187.226.893	103,6%
	<i>%/ Tổng doanh thu</i>	66,4%	66,0%	(0)	99,5%
1	Nguyên vật liệu	3.376.899.365	3.679.620.000	302.720.635	109,0%
	<i>%/ Doanh thu Ẩn uống</i>	41,25%	42,00%	0	101,8%
2	Chi phí trực tiếp	27.387.088.041	28.140.905.200	753.817.159	102,8%
	<i>%/ Tổng doanh thu</i>	55,3%	54,5%	(0)	98,7%
2,1	Chi phí nhân công (BH+Com +KPCĐ)	17.624.174.217	17.540.905.200	(83.269.017)	99,5%
	<i>%/ Tổng doanh thu</i>	35,56%	33,99%	(0)	95,6%
a	Trong đó, chi phí lương	14.560.000.000	14.448.000.000	(112.000.000,00)	99,2%
b	<i>Tỷ lệ chi phí lương trên tổng doanh thu</i>	29,38%	28,00%	(0)	95,3%
2,2	Chi phí vật liệu	630.180.265	680.000.000	49.819.735	107,9%
	<i>%/ Tổng doanh thu</i>	1,3%	1,3%		
2,3	Chi phí CCDC	670.770.297	800.000.000	129.229.703	119,3%
	<i>%/ Tổng doanh thu</i>	1,4%	1,6%		
2,4	Chi phí mua ngoài	4.809.485.537	5.120.000.000	310.514.463	106,5%
2,5	Chi phí bằng tiền khác	3.652.477.725	4.000.000.000	347.522.275	109,5%
3	Chi phí phí phục vụ	2.128.310.901	2.259.000.000	130.689.099	106,1%
III	LÃI GỘP (III=I-II)	16.668.494.349	17.520.474.800	851.980.451	105,1%
1	<i>%/ Tổng doanh thu</i>	33,6%	34,0%	0	101,0%
IV	CHI PHÍ CỐ ĐỊNH	4.976.439.370	4.977.000.000	560.630	100,0%

1	Chi phí khấu hao TSCĐ	2.039.431.810	2.040.000.000	568.190	100,0%
2	Thuế, tiền thuê đất	2.937.007.560	2.937.000.000	(7.560)	100,0%
V	HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	7.604.643.487	7.198.000.000	(406.643.487)	94,7%
1	Thu nhập tài chính	7.605.163.237	7.200.000.000	(405.163.237)	94,7%
2	Chi phí tài chính	519.750	2.000.000	1.480.250	384,8%
VI	HOẠT ĐỘNG KHÁC	-31.027.196	10.000.000	41.027.196	-32,2%
1	Thu nhập khác	41.008.282	50.000.000	8.991.718	121,9%
2	Chi phí khác	72.035.478	40.000.000	(32.035.478)	55,5%
VII	LÃI TRƯỚC THUẾ (VII = III-IV+V+VI)	19.265.671.270	19.751.474.800	485.803.530	102,5%
1	%/Tổng doanh thu	38,87%	38,28%	(0)	98,5%
	CP Thuế TNDN	3.612.033.543	3.958.294.960	346.261.417	109,6%
VIII	LÃI SAU THUẾ	15.653.637.727	15.793.179.840	139.542.113	100,9%
1	%/Tổng doanh thu	31,58%	30,61%	(0)	96,9%
IX	LAO ĐỘNG - TIỀN LƯƠNG				
1	Tổng số CBCNV	76	79	3	103,9%
2	Tổng quỹ lương	14.560.000.000	14.448.000.000	(112.000.000)	99,2%
3	Tiền lương bình quân (người/tháng)	8.911.436	9.531.562	620.126	107,0%
4	Tiền lương bình quân (người/tháng) (không tính Ban Điều hành)	7.830.526	8.490.834	660.308	108,4%
5	Thu nhập bình quân (người/tháng)	16.759.651	16.485.247	(274.404)	98,4%
6	Thu nhập bình quân (người/tháng) (không tính Ban Điều hành)	15.432.048	15.346.600	(85.448)	99,4%
X	CHỈ TIÊU HIỆU QUẢ LAO ĐỘNG				
1	Năng suất lao động (Doanh thu/số LĐ bq/năm)	652.116.000	653.165.000	1.049.000	100,2%
2	Hiệu suất lao động (Lãi sau thuế/ số LĐ bq/năm)	205.969.000	199.914.000	(6.055.000)	97,1%

2. Kế hoạch kinh doanh năm 2026 chi tiết theo từng loại hình dịch vụ như sau:

2.1 Về kinh doanh dịch vụ lưu trú

Dự kiến doanh thu lưu trú năm 2026 đạt 34,18 tỷ đồng, tăng 7% (tương đương 2,24 tỷ đồng) so với thực hiện năm 2025. Đây là mục tiêu tăng trưởng được xây dựng trên cơ sở đánh giá toàn diện về năng lực khai thác thực tế của khách sạn cũng như bối cảnh thị trường hiện nay.

Với quy mô hiện tại 86 phòng, khách sạn đã duy trì khai thác phòng ở mức cao trong nhiều năm. Công suất bình quân năm 2026 dự kiến đạt 79%, là mức công suất tương đối cao trong ngành khách sạn. Thực tế trong các giai đoạn cao điểm, công suất phòng thường xuyên duy trì trên 90%, cho thấy tăng trưởng về số lượng phòng bán ra không còn nhiều.

Bên cạnh đó, một số hạng mục cơ sở vật chất của khách sạn, đặc biệt là hệ thống máy lạnh âm trần đầu tư từ năm 2014 đến nay đã xuống cấp. Mặc dù công tác kiểm tra, bảo trì được thực

hiện thường xuyên, tuy nhiên tần suất phát sinh sự cố có xu hướng tăng, thời gian sửa chữa kéo dài do phụ thuộc vào linh kiện nhập khẩu. Việc tạm ngưng khai thác phòng để sửa chữa không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu mà còn gây áp lực lên việc sắp xếp phòng cho các đoàn khách lớn.

Trong điều kiện không thể mở rộng quy mô phòng và cơ sở vật chất có những hạn chế nhất định, Khách sạn định hướng tập trung nâng cao hiệu quả khai thác thông qua chính sách giá linh hoạt theo từng thời điểm, tối ưu cơ cấu nguồn khách, nâng cao chất lượng dịch vụ. Đồng thời, đội ngũ nhân sự tiếp tục nỗ lực nâng cao chất lượng phục vụ nhằm đảm bảo trải nghiệm khách hàng, duy trì mức giá phòng bình quân hợp lý để tối ưu hoá doanh thu.

Vì vậy, mục tiêu tăng trưởng doanh thu lưu trú 7% trong năm 2026 thể hiện sự chủ động và nỗ lực của Khách sạn trong việc duy trì hiệu quả khai thác và phát triển hoạt động kinh doanh bền vững.

2.2 Về doanh thu ẩm thực

Dự kiến doanh thu dịch vụ ẩm thực năm 2026 đạt 8,8 tỷ đồng, tăng 7% (tương đương 573 triệu đồng) so với thực hiện năm 2025. Cơ cấu doanh thu dự kiến như sau:

Doanh thu ăn sáng khách lưu trú dự kiến 3,2 tỷ đồng (tăng 7% so với thực hiện năm 2025).

Doanh thu ăn uống nhà hàng (Alacarte) dự kiến 2,1 tỷ đồng (tăng 7% so với thực hiện năm 2025).

Doanh thu tiệc và hội nghị dự kiến 3,4 tỷ đồng (tăng 7% so với thực hiện năm 2025).

Đối với dịch vụ ăn sáng phục vụ khách lưu trú, mức tăng trưởng dự kiến 7% được xây dựng trên cơ sở kỳ vọng duy trì và cải thiện công suất phòng, đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm gia tăng mức độ hài lòng của khách lưu trú.

Đối với dịch vụ ăn uống tại nhà hàng (Alacarte), hiện Khách sạn chỉ có 01 nhà hàng tại tầng 9 với diện tích phục vụ cố định. Trong thời gian cao điểm, không gian phục vụ đã tiệm cận giới hạn khai thác, do đó khả năng gia tăng doanh thu không đến từ việc mở rộng diện tích mà chủ yếu dựa trên tối ưu hóa hiệu quả khai thác hiện có. Theo đó, Khách sạn định hướng tăng trưởng doanh thu thông qua việc tăng vòng quay sử dụng bàn, cải thiện giá trị trung bình trên mỗi hóa đơn, nâng cao chất lượng món ăn và dịch vụ, đồng thời, khai thác hiệu quả nguồn khách lưu trú và khách vắng lai. Đây cũng là một trong những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả vận hành trong điều kiện hạ tầng dịch vụ có giới hạn.

Đối với dịch vụ tiệc và hội nghị, Công ty tiếp tục định hướng khai thác phân khúc khách nội địa, khách công tác và khách MICE, đồng thời duy trì mối quan hệ với các khách hàng doanh nghiệp truyền thống và mở rộng tìm kiếm nguồn khách mới. Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh tiệc – hội nghị hiện nay đang chịu sự cạnh tranh ngày càng lớn từ các trung tâm hội nghị chuyên nghiệp và các khách sạn mới với lợi thế về không gian rộng, cơ sở vật chất hiện đại và thiết kế linh hoạt. Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp có xu hướng tối ưu chi phí tổ chức sự kiện và hội họp, chuyển từ hình thức tiệc lớn sang các hình thức khác như tiệc trà và tiệc nhẹ hoặc các cuộc họp quy mô nhỏ, đồng thời gia tăng việc tổ chức họp trực tuyến.

Trong bối cảnh đó, để đạt được mục tiêu tăng trưởng 7% doanh thu dịch vụ Ẩm thực, Công ty định hướng xây dựng các gói dịch vụ linh hoạt, phù hợp với nhu cầu và ngân sách của khách hàng, đồng thời tăng cường hoạt động tiếp thị, chăm sóc khách hàng và nâng cao chất lượng phục vụ.

Với đặc thù của một khách sạn 3 sao có hạ tầng dịch vụ cố định, mục tiêu tăng trưởng 7% đối với doanh thu dịch vụ ẩm thực không chỉ phản ánh kỳ vọng tăng trưởng về doanh thu mà còn thể hiện nỗ lực của Công ty trong việc tối ưu hóa hiệu quả khai thác hiện hữu, nâng cao chất lượng



dịch vụ và duy trì năng lực cạnh tranh trong bối cảnh thị trường dịch vụ ăn uống ngày càng cạnh tranh và xu hướng chi tiêu của khách hàng có nhiều thay đổi.

2.3 Về kinh doanh cho thuê phòng hội nghị

Kế hoạch doanh thu cho thuê phòng hội nghị năm 2026 dự kiến 2,3 tỷ đồng, tăng 7% (tương đương 151 triệu đồng) so với thực hiện năm 2025. Đây là mục tiêu được xây dựng trong bối cảnh hoạt động kinh doanh hội nghị - sự kiện của Công ty phải đối mặt với nhiều thử thách từ nội tại và xu hướng thay đổi của thị trường.

Về quy mô và hạ tầng còn nhiều hạn chế, hiện Khách sạn chỉ có 02 phòng họp diện tích nhỏ gồm phòng Apricot (128 m²) và Lotus (198 m²). Với quy mô này, khả năng tiếp cận các sự kiện có số lượng khách lớn bị hạn chế, gần như không có lợi thế cạnh tranh về sức chứa so với các trung tâm hội nghị hoặc các khách sạn có hệ thống phòng họp quy mô lớn.

Bên cạnh đó, xu hướng thị trường hiện nay có nhiều thay đổi. Trước áp lực tối ưu các chi phí, nhiều doanh nghiệp có xu hướng cắt giảm chi phí tổ chức sự kiện trực tiếp chuyển sang hình thức họp trực tuyến hoặc cắt giảm tối đa phần tiệc đi kèm. Đồng thời, công tác quản lý Nhà nước hiện nay thay đổi cơ chế, siết chặt đối với các loại hình kinh doanh đa cấp tại khu vực trọng điểm nên nguồn thu ổn định từ phân khúc này bị ảnh hưởng nghiêm trọng do các đơn vị này có xu hướng dời địa điểm ra ngoài thành để thuận tiện và tiết kiệm chi phí hơn.

Trong bối cảnh đó, để đạt mục tiêu tăng 7% cho loại hình kinh doanh cho thuê phòng hội nghị, khách sạn định hướng chủ động thay đổi tệp khách hàng, tập trung vào các buổi đào tạo nội bộ và hội thảo chuyên môn của các doanh nghiệp, đồng thời tăng cường tiếp cận phân khúc doanh nghiệp vừa và nhỏ để mở rộng nguồn khách hàng.

2.4 Về kinh doanh cho thuê mặt bằng.

Kế hoạch doanh thu cho thuê mặt bằng năm 2026 dự kiến đạt 3,1 tỷ đồng (giảm 1,1 tỷ đồng so với thực hiện năm 2025). Việc xây dựng kế hoạch giảm doanh thu được thực hiện trên cơ sở khách quan theo tình hình thực tế về cơ sở hạ tầng và biến động của thị trường cho thuê mặt bằng hiện nay. Cụ thể:

Mặt bằng tầng trệt, với diện tích 183 m² đang được Công ty TNHH Royal Việt Nam thuê, dự kiến hoạt động ổn định, đảm bảo nguồn thu xuyên suốt năm 2026, đóng vai trò nền tảng cho mảng doanh thu cho thuê mặt bằng năm 2026.

Mặt bằng tầng 1, kể từ khi đối tác trước đây đã thanh lý hợp đồng vào tháng 07/2025, khu vực này đang trong tình trạng trống và đang chờ phê duyệt chủ trương từ Hội đồng Quản trị.

Hiện nay, cơ sở vật chất tại tầng 1 có dấu hiệu xuống cấp, đặc biệt là hệ thống kỹ thuật và phòng cháy chữa cháy chưa đáp ứng các quy chuẩn hiện hành. Đây là trở ngại lớn nhất làm cho mặt bằng khó tiếp cận các đối tác lớn, chuyên nghiệp.

Trong bối cảnh thị trường cho thuê mặt bằng đang có dấu hiệu dư thừa nguồn cung, việc tìm kiếm đối tác phù hợp đòi hỏi thời gian khảo sát và thẩm định kỹ lưỡng, nhằm đảm bảo uy tín, an toàn vận hành cũng như sự ổn định lâu dài cho hoạt động của Khách sạn. Để đảm bảo tính khả thi của kế hoạch doanh thu cho thuê mặt bằng năm 2026, đơn vị dự kiến bắt đầu ghi nhận doanh thu từ đối tác mới từ Quý IV/2026, trên cơ sở triển khai theo lộ trình sau:

Giai đoạn 1: Chờ phê duyệt chủ trương từ Hội đồng Quản trị và tiến hành tìm kiếm đối tác thuê phù hợp.

Giai đoạn 2: Hỗ trợ đối tác trong thời gian thi công, hoàn thiện mặt bằng; dự kiến áp dụng chính sách miễn tiền thuê trong thời gian thi công nhằm tăng khả năng thu hút khách thuê trong bối cảnh thị trường hiện nay.

Giai đoạn 3: Đưa mặt bằng vào vận hành chính thức và bắt đầu thu tiền thuê.

Vì vậy, việc xây dựng chỉ tiêu doanh thu cho thuê mặt bằng giảm 1,1 tỷ đồng so với năm trước không phản ánh sự thụ động trong hoạt động kinh doanh, mà là kết quả của quá trình đánh giá thận trọng và định hướng tập trung tìm kiếm đối tác có năng lực, uy tín và khả năng hợp tác lâu dài, nhằm đảm bảo hiệu quả khai thác bền vững cho giai đoạn tiếp theo.

2.5 Về kinh doanh dịch vụ khác

Kế hoạch doanh thu dịch vụ năm 2026 dự kiến là 934 triệu, tăng 234 triệu đồng, tỷ lệ tăng 7% so với thực hiện năm 2025.

Doanh thu này chủ yếu từ thu tiền điện, nước của mặt bằng cho thuê và doanh thu giặt, ủi... cho khách lưu trú.

2.6 Về doanh thu phí phục vụ

Kế hoạch năm 2026 doanh thu phí phục vụ là 2,3 tỷ đồng.

2.7 Về doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính năm 2026 dự kiến đạt khoảng 7,2 tỷ đồng. Mặc dù mức này giảm 406 triệu đồng so với thực hiện năm 2025, song việc xây dựng kế hoạch ở mức thấp hơn là kết quả của nguyên tắc hạch toán thận trọng, đồng thời loại trừ các khoản thu nhập mang tính đột biến, không thường xuyên. Cụ thể:

Trong năm 2025, doanh thu hoạt động tài chính tăng cao do Khách sạn ghi nhận khoản cổ tức tích lũy từ Ngân hàng OCB cho giai đoạn 2019 – 2023, với tổng giá trị 1,4 tỷ đồng. Đây là khoản thu nhập phát sinh một lần sau nhiều năm, không phản ánh xu hướng ổn định của hoạt động tài chính hàng năm.

Năm 2026, Khách sạn xây dựng kế hoạch doanh thu tài chính chủ yếu dựa trên nguồn thu chính và ổn định là lãi tiền gửi ngân hàng. Việc không đưa các khoản thu nhập bất thường hoặc chưa chắc chắn vào kế hoạch nhằm bảo đảm tính an toàn, minh bạch và kỷ luật trong công tác quản trị tài chính. Do đó, việc doanh thu hoạt động tài chính năm 2026 giảm so với năm trước không phản ánh sự suy giảm trong hiệu quả tài chính, mà thực chất là sự điều chỉnh về mức ổn định sau một năm ghi nhận thu nhập đột biến, qua đó bảo đảm kế hoạch tài chính phù hợp với thực tế.

3. Về chi phí

Tổng chi phí kinh doanh năm 2026 dự kiến là 34,1 tỷ đồng, tăng 3,6% (tương đương 1,6 tỷ đồng) so với thực hiện năm 2025. Mức tăng chi phí này là hợp lý và cần thiết, được xây dựng dựa trên cơ sở bám sát mục tiêu tăng trưởng doanh thu và những biến động khách quan của thị trường. Mục tiêu tăng trưởng doanh thu của các mảng chủ lực gồm lưu trú và ẩm thực đều dự kiến tăng 7% kéo theo sự gia tăng tương ứng của các chi phí trực tiếp trong giá vốn hàng bán.

3.1 Chi phí nguyên vật liệu

Chi phí nguyên vật liệu dự kiến là 3,7 tỷ đồng, tăng 303 triệu đồng so với thực hiện năm 2025, tương ứng mức tăng 9%.

Tỷ lệ chi phí nguyên vật liệu trên doanh thu ăn uống dự kiến 42%; tăng 1,8% so với thực

hiện năm 2025. Nguyên nhân chủ yếu do giá nguyên vật liệu đầu vào có xu hướng tăng trong khi Công ty vẫn giữ nguyên chính sách giá bán và nâng cao chất lượng dịch vụ ẩm thực nhằm thu hút khách.

3.2 Chi phí nhân công:

Chi phí nhân công dự kiến là 17,5 tỷ đồng, giảm 83 triệu đồng, tương ứng mức giảm 0,5% so với thực hiện năm 2025. Trong đó, chi phí lương 14,5 tỷ đồng, giảm 112 triệu đồng, tương đương mức giảm 0,5% so với năm 2025. Tỷ lệ chi phí lương trên tổng doanh thu năm 2025 ước 28%, giảm 4,7% so với năm 2025. Chi phí lương phù hợp với tình hình thị trường lao động hiện nay nhằm bảo đảm nguồn lực ổn định triển khai hiệu quả kế hoạch kinh doanh năm 2026.

3.3 Chi phí vật liệu phụ

Chi phí vật liệu phụ dự kiến 680 triệu đồng, tăng 50 triệu đồng, tương ứng tăng 8,9% so với thực hiện năm 2025.

Tỷ lệ chi phí vật liệu phụ trên tổng doanh thu kinh doanh ước đạt 1,3%, tương đương mức 1,3% của năm 2025.

3.4 Chi phí công cụ dụng cụ

Chi phí công cụ dụng cụ dự kiến khoảng 800 triệu đồng, tăng 129 triệu đồng, tương đương tăng 19,3% so với thực hiện năm 2025. Trong đó thực hiện, nâng cấp hạng mục phòng lưu trú, thực hiện thay thế định kỳ các trang thiết bị, công cụ dụng cụ đã qua thời gian sử dụng dài như: máy nước nóng, tivi, khăn mặt, khăn tắm (từ năm 2017–2018), drap giường (từ năm 2015), tủ lạnh (từ năm 2009 xuống cấp nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ và trải nghiệm của khách lưu trú. Đây là điều kiện quan trọng để Khách sạn duy trì mức giá phòng bình quân trên 1,3 triệu đồng/phòng/đêm.

3.5 Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí dịch vụ mua ngoài dự kiến 5,1 tỷ đồng, tăng 311 triệu đồng, tương ứng mức tăng 6,5% so với thực hiện năm 2025 do công suất phòng duy trì ở mức cao dẫn đến sự gia tăng các chi phí vận hành thường xuyên như điện, nước, đồ dùng trong phòng (Amenities), giặt ủi và vệ sinh tăng do dự kiến công suất khai thác phòng và biến động giá cả thị trường.

3.6 Chi phí bằng tiền khác

Chi phí bằng tiền khác năm 2025 dự kiến là 4 tỷ đồng, tăng 348 triệu đồng, tương ứng mức tăng 9,5% so với thực hiện năm 2025. Khoản chi này bao gồm: trang trí, sửa chữa, văn phòng phẩm, hoa hồng bán hàng, vận chuyển, trang phục, tham quan, bảo hiểm...

Chi phí hoa hồng bán hàng có xu hướng tăng do tỷ lệ đặt phòng qua các kênh trực tuyến (OTA) ngày càng cao. Trong bối cảnh thị trường du lịch thay đổi mạnh theo hướng đặt phòng trực tuyến, việc chủ động đẩy mạnh khai thác các kênh này là giải pháp cần thiết để mở rộng thị trường và duy trì công suất phòng ổn định. Do đó, chi phí hoa hồng phát sinh được xem là khoản đầu tư cần thiết nhằm hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng doanh thu phòng.

Bên cạnh đó, trong bối cảnh cơ sở vật chất của khách sạn đã bắt đầu xuất hiện dấu hiệu xuống cấp sau thời gian dài khai thác, đơn vị chủ động tăng ngân sách cho công tác bảo trì, hạ tầng kỹ thuật: Ưu tiên nguồn ngân sách cho việc bảo trì hệ thống máy lạnh âm trần và các thiết bị vận hành cốt lõi, qua đó hạn chế rủi ro gián đoạn hoạt động kinh doanh, đồng thời giảm thiểu các chi phí sửa chữa khẩn cấp – vốn thường cao hơn nhiều so với chi phí bảo trì định kỳ.

Ngoài các yếu tố nội tại, chi phí đầu vào của thị trường năm 2026 cũng dự báo tiếp tục biến động, chịu tác động từ tình hình thiên tai, biến động kinh tế toàn cầu và xung đột địa chính trị. Theo đó, giá thực phẩm, đồ uống và các vật tư đầu vào có xu hướng tăng, cùng với sự gia tăng của

chi phí nhân công và các dịch vụ thuê ngoài như bảo trì kỹ thuật chuyên sâu, vận chuyển... Trong bối cảnh đó, việc điều chỉnh tăng tổng chi phí kinh doanh ở mức 3,6% là phù hợp với thực tế thị trường, đồng thời đảm bảo nguồn lực cần thiết để khách sạn duy trì chất lượng dịch vụ, ổn định hoạt động và hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng doanh thu trong năm 2026.

Mặc dù tổng chi phí kinh doanh năm 2026 dự kiến tăng 3,6%, tuy nhiên mức tăng này vẫn thấp hơn tốc độ tăng trưởng doanh thu của các hoạt động kinh doanh cốt lõi (dự kiến tăng 7%). Điều này cho thấy Khách sạn duy trì kiểm soát hiệu quả các khoản định phí, đồng thời các khoản chi phí được tính toán trên cơ sở thận trọng, sát với nhu cầu vận hành thực tế, tập trung cho các hạng mục cần thiết nhằm duy trì chất lượng dịch vụ theo tiêu chuẩn khách sạn 3 sao, bảo vệ hình ảnh, thương hiệu và đảm bảo năng lực cạnh tranh trên thị trường. Nhờ đó, kế hoạch chi phí năm 2026 vừa đảm bảo nguồn lực cho hoạt động khai thác ổn định, vừa giữ vững mục tiêu hiệu quả tài chính và lợi nhuận của Khách sạn.

3.7 Về chi phí tiền thuê đất

Chi phí tiền thuê đất năm 2026 được xây dựng căn cứ theo Phụ lục 1 và Phụ lục 3 ban hành kèm theo Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 21/10/2024 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về Bảng giá đất trên địa bàn Thành phố.

Tại thời điểm xây dựng kế hoạch, Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vẫn chưa ban hành thông báo chính thức về đơn giá thuê đất áp dụng đối với Khách sạn cho giai đoạn từ ngày 08/10/2021 đến ngày 31/12/2025 và các năm tiếp theo. Do đó, Khách sạn chưa có đầy đủ cơ sở pháp lý để xác định lại hoặc điều chỉnh đơn giá thuê đất trong kế hoạch tài chính năm 2026.

Trên cơ sở nguyên tắc thận trọng, tuân thủ pháp luật và đảm bảo tính nhất quán của số liệu kế hoạch, Khách sạn tạm thời xây dựng kế hoạch chi phí tiền thuê đất năm 2026 theo đơn giá đang áp dụng hiện nay như sau:

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	GIÁ TRỊ	GHI CHÚ
1	Giá đất con đường Đông Du	VNĐ	327.900.000	QĐ 79/2024/QĐ-UBND
2	Tỷ lệ % tính đơn giá (Khu vực 1)	%	1,5	
3	Hệ số vị trí (có 1 mặt tiền giáp đường)	Hệ số	1	
4	Diện tích khu đất	m ²	594	
5	Đơn giá thuê đất hàng năm	VNĐ/m ² /năm	4.918.500	(5) = (1) * (2) * (3)
6	Tổng tiền thuê đất dự kiến/năm	VNĐ/năm	2.921.589.000	(6) = (4) * (5)

Tuy nhiên, chi phí tiền thuê đất có thể phát sinh biến động khi Cơ quan Nhà nước ban hành quyết định chính thức về đơn giá thuê đất cho giai đoạn nêu trên. Trong trường hợp đó, mọi điều chỉnh liên quan sẽ được thực hiện theo đúng quy định của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền. Khách sạn sẽ tiếp tục theo dõi sát sao các văn bản hướng dẫn và quyết định liên quan, đồng thời chủ động cập nhật, điều chỉnh kế hoạch tài chính khi có thông báo chính thức, nhằm đảm bảo tính minh bạch, tuân thủ pháp luật.

4. Kế hoạch lợi nhuận

Lợi nhuận trước thuế năm 2026 dự kiến đạt 19,75 tỷ đồng, tăng 485 triệu đồng so với thực hiện năm 2025, tương đương 102,5%. Kết quả này cho thấy sự tăng trưởng thực chất đến từ hoạt

động kinh doanh chính của Khách sạn, đặc biệt là các mảng lưu trú, ẩm thực và cho thuê phòng hội nghị. Đây là tín hiệu tích cực, khẳng định rằng hiệu quả kinh doanh không phụ thuộc vào các nguồn thu mang tính thụ động như cho thuê mặt bằng, mà chủ yếu đến từ hoạt động kinh doanh chính.

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng doanh thu dự kiến đạt 38,3%, bao gồm khoản trích khấu hao cơ bản ước tính 2,1 tỷ đồng, tiền thuê đất ước tính 2,9 tỷ, bằng với thực hiện năm 2025.

5. Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2026

Trên cơ sở dự kiến kế hoạch kết quả kinh doanh năm 2026, lợi nhuận năm 2026 được dự kiến phân phối như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Diễn giải	KH 2026
1	Lợi nhuận trước thuế 2026	19.751.474.800
2	Lợi nhuận sau thuế 2026	15.793.179.840
3	Lợi nhuận dự kiến phân phối 2026, trong đó	14.333.417.984
3.1	Chia cổ tức 2026 (10%/cp)(dự kiến)	12.364.100.000
3.2	Trích thù lao HĐQT & BKS 2026	390.000.000
3.3	Trích Quỹ Khen thưởng (dự kiến 10% lãi sau thuế)	1.579.317.984
4	Lợi nhuận còn lại sau phân phối	1.459.761.856

III. BIỆN PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Để triển khai hiệu quả và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2026, Ban Điều hành sẽ tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện một số giải pháp trọng tâm, phù hợp với tình hình thực tế và điều kiện kinh doanh hiện nay, cụ thể như sau:

1. Nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ

Ban Điều hành chủ động triển khai bảo trì định kỳ toàn bộ phòng lưu trú, phòng hội nghị, nhà hàng và khu vực công cộng của khách sạn đảm bảo luôn duy trì đúng tiêu chuẩn phục vụ khách. Từng bước nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị và công cụ làm việc tại các bộ phận. Đồng thời, chú trọng đổi mới và sáng tạo trong thiết kế sản phẩm dịch vụ nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ để thu hút khách hàng, tạo dấu ấn riêng cho thương hiệu, xây dựng và phát triển các sự kiện kinh doanh một cách hiệu quả.

2. Đẩy mạnh công tác tiếp thị

Công ty tập trung đẩy mạnh hoạt động truyền thông – tiếp thị thông qua các kênh trực tuyến với nội dung chuyên nghiệp nhằm nâng cao nhận diện thương hiệu. Đồng thời, xây dựng kế hoạch kinh doanh chi tiết cho từng lĩnh vực kinh doanh như phòng ngủ, ẩm thực và các dịch vụ đi kèm. Tiếp tục duy trì và chăm sóc các phân khúc truyền thống có nguồn khách ổn định, chủ động mở rộng khai thác các thị trường tiềm năng mới với mục tiêu tối ưu hóa doanh thu, nâng cao mức độ hài lòng của khách hàng, từ đó gia tăng hiệu quả và tính bền vững trong hoạt động kinh doanh.

3. Công tác quản lý nguồn nhân lực

Để đáp ứng hiệu quả nhu cầu kinh doanh và nâng cao chất lượng phục vụ, Công ty xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực theo hướng toàn diện và bền vững. Trong đó, việc bổ sung nhân sự được thực hiện có chọn lọc, đảm bảo hợp lý với quy mô hoạt động và mục tiêu tăng

0085
CÔNG
CỔ PH
HÁCH
ÀI G
- T.P.H

trường. Chú trọng công tác đào tạo – tái đào tạo đội ngũ hiện có theo quy trình chuẩn, nâng cao tay nghề chuyên môn và kỹ năng phục vụ, nhằm mang đến trải nghiệm dịch vụ tốt nhất cho khách hàng.

Bên cạnh việc nâng cao năng lực quản trị, điều hành tại các phòng ban, đơn vị còn tập trung đầu tư vào các chương trình phúc lợi phù hợp, tạo môi trường làm việc tích cực và ổn định, từ đó tăng cường sự gắn bó, tinh thần trách nhiệm và cống hiến của người lao động.

4. Công tác quản lý tài chính, kiểm soát nội bộ:

Công ty tiếp tục duy trì tăng cường công tác kiểm soát toàn diện trong mọi hoạt động vận hành với mục tiêu tối đa hóa doanh thu - tối ưu hóa lợi nhuận. Việc quản lý chi phí sẽ được thực hiện kiểm soát từ khâu đầu vào đến đầu ra, đảm bảo mọi khoản chi đều được theo dõi, đánh giá và sử dụng hợp lý. Đặc biệt, chi phí tiêu hao nguyên vật liệu trong lĩnh vực ăn uống sẽ được kiểm soát chặt nhưng vẫn đảm bảo duy trì chất lượng dịch vụ ẩm thực theo tiêu chuẩn.

Ngoài ra, Công ty rà soát, điều chỉnh và cập nhật quy trình làm việc nhằm sử dụng hiệu quả nguồn lực. Mọi hoạt động từ mua sắm, tiêu dùng nội bộ đến phục vụ khách hàng đều được quản lý theo nguyên tắc tiết kiệm – hiệu quả – chất lượng, nhằm đảm bảo chi phí được kiểm soát nghiêm ngặt trong suốt quá trình vận hành. Từ đó, không chỉ nâng cao hiệu quả kinh doanh mà còn tạo điều kiện cải thiện thu nhập, phúc lợi cho người lao động, góp phần xây dựng mô hình phát triển bền vững và có năng lực cạnh tranh cao.

Trên đây là Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn.

Ban Điều hành kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thảo luận và thông qua.

Việc thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2026 sẽ là cơ sở quan trọng để Công ty tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động, nâng cao năng lực cạnh tranh và hướng tới mục tiêu phát triển ổn định, bền vững trong giai đoạn tới.

Trân trọng kính trình./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 05 năm 2026

GIÁM ĐỐC



PHAN NGỌC BÍCH

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 28 tháng 05 năm 2026

**BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT
VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY, KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC.**

- Căn cứ theo Luật doanh nghiệp hiện hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn;
- Căn cứ vào Quy chế tổ chức và hoạt động Ban Kiểm Soát CTCP Khách sạn Sài Gòn;
- Căn cứ số liệu do bộ phận kế toán Khách sạn cung cấp và Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025 do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY lập ngày 16/3/2026.

Ban Kiểm Soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông các nội dung sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2025

1. Về kết quả kinh doanh:

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thực Hiện Năm 2024	Kế Hoạch 2025	Thực Hiện Năm 2025	TH2025 /TH2024	TH 2025 /KH2025
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	45,321,189,684	48,000,000,000	49,560,792,656	109.4%	103.3%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-	-		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	45,321,189,684	48,000,000,000	49,560,792,656	109.4%	103.3%
4. Giá vốn hàng bán	11	24,354,705,960	25,562,000,000	26,567,125,892	109.1%	103.9%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	20,966,483,724	22,438,000,000	22,993,666,764	109.7%	102.5%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5,942,204,482	5,945,000,000	7,611,085,231	128.1%	128.0%
7. Chi phí tài chính	22	331,475	5,000,000	523,936	158.1%	10.5%
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	13,532,244,952	11,350,000,000	11,301,611,785	83.5%	99.6%
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	13,376,111,779	17,028,000,000	19,302,616,274	144.3%	113.4%
10. Thu nhập khác	31	45,354,890	50,000,000	35,090,474	77.4%	70.2%
11. Chi phí khác	32	73,625,175	40,000,000	72,035,478	97.8%	180.1%
12. Lợi nhuận khác	40	(28,270,285)	10,000,000	(36,945,004)	130.7%	-369.5%
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	13,347,841,494	17,038,000,000	19,265,671,270	144.3%	113.1%
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	2,717,553,649	3,415,600,000	3,612,033,543	132.9%	105.8%
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	-		
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	10,630,287,845	13,622,400,000	15,653,637,727	147.3%	114.9%
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70	742		1,108	149.3%	
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	742		1,108	149.3%	

Tổng doanh thu thực hiện năm 2025 là 57,2 tỷ đồng, đạt 105,9% so với kế hoạch và tăng 11,5% so với cùng kỳ năm 2024, trong đó: doanh thu kinh doanh là 49,6 tỷ đồng tăng 4,23 tỷ đồng và doanh thu hoạt động tài chính tăng 1,66 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2024.

Tổng lợi nhuận trước thuế là 19,265 tỷ đồng tăng 5,92 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2024 và đạt 113,1% so với kế hoạch.

Tỷ lệ lãi GOP/DT năm 2025 là 33,6% giảm nhẹ so với cùng kỳ năm 2024 là 34,7%, do doanh thu hoạt động tài chính tăng đáng kể 128,1% so với năm 2024.

2. Về chi phí kinh doanh:

ĐVT: đồng

ST T	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2024	NĂM 2025		SO SÁNH TH2025/TH 2024		SO SÁNH TH2025/KH 2025	
			KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	Số tiền	%	Số tiền	%
I	CHI PHÍ KINH DOANH	29,591,788,649	31,182,000,000	32,892,298,307	3,300,509,658	111.2%	1,710,298,307	105.5%
1	Giá vốn hàng bán	2,960,821,107	3,430,000,000	3,376,899,365	416,078,258	114.1%	(53,100,635)	98.5%
2	Chi phí trực tiếp	24,698,176,073	25,665,000,000	27,387,088,041	2,688,911,968	110.9%	1,722,088,041	106.7%
2.1	Chi phí nhân công (BH+Com +KPCĐ)	15,470,210,767	15,935,000,000	17,624,174,217	2,153,963,450	113.9%	1,689,174,217	110.6%
2.2	Chi phí vật liệu	563,674,495	580,000,000	630,180,265	66,505,770	111.8%	50,180,265	108.7%
2.3	Chi phí CCDC	600,533,858	1,100,000,000	670,770,297	70,236,439	111.7%	(429,229,703)	61.0%
2.4	Chi phí mua ngoài	4,123,169,643	4,150,000,000	4,809,485,537	686,315,894	116.6%	659,485,537	115.9%
2.5	Chi phí bằng tiền khác	3,940,587,310	3,900,000,000	3,652,477,725	(288,109,585)	92.7%	(247,522,275)	93.7%
3	Chi phí phí phục vụ	1,932,791,469	2,087,000,000	2,128,310,901	195,519,432	110.1%	41,310,901	102.0%
II	CHI PHÍ CỐ ĐỊNH	8,295,162,263	5,730,000,000	4,976,439,370	(3,318,722,893)	60.0%	(753,560,630)	86.8%
1	Chi phí khấu hao TSCĐ	2,585,966,259	2,793,000,000	2,039,431,810	(546,534,449)	78.9%	(753,568,190)	73.0%
2	Thuế, tiền thuê đất	5,709,196,004	2,937,000,000	2,937,007,560	(2,772,188,444)	51.4%	7,560	100.0%
III	CHI PHÍ TÀI CHÍNH	331,475	5,000,000	519,750	188,275	156.8%	(4,480,250)	10.4%
IV	CHI PHÍ KHÁC	73,625,175	40,000,000	72,035,478	(1,589,697)	97.8%	32,035,478	180.1%
VII	TỔNG CHI PHÍ	37,960,907,562	36,957,000,000	37,941,292,905	(19,614,657)	99.9%	984,292,905	102.7%

Năm 2025, tiếp tục đánh dấu đà phục hồi của ngành du lịch và lượng khách đến sử dụng dịch vụ tại khách sạn gia tăng. Tuy nhiên, do chi phí cố định giảm đáng kể, đạt 4,98 tỷ đồng và chỉ bằng 60% so với năm 2024, dẫn đến tổng chi phí năm 2025 giảm nhẹ và bằng xấp xỉ so với năm 2024 và gia tăng 2,7% so với kế hoạch đề ra.

Tổng chi phí kinh doanh Khách sạn thực hiện trong năm 2025 là 37,91 tỷ đồng, bằng 102,7% so kế hoạch, tương đương tăng 99,9% so cùng kỳ năm 2024 và chiếm tỷ trọng 76,6% trên doanh thu kinh doanh, chi tiết như sau:

- *Chi phí giá vốn hàng bán:* 3,38 tỷ đồng, tăng 416,1 triệu đồng tương ứng tăng 14,1% so với cùng kỳ năm 2024 do doanh thu ăn uống tăng. Chi phí giá vốn chiếm tỷ trọng 8,9% trên tổng chi phí.

- *Chi phí trực tiếp:* 27,39 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 72,18% trên tổng chi phí, so với cùng kỳ năm 2024 tăng 2,69 tỷ đồng tương ứng tăng 10,9%, chiếm 55,3% tỷ trọng trên doanh thu kinh doanh. Chi tiết như sau:

+ Chi phí nhân công: 17,62 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 46,45% trên tổng chi phí và chiếm 35,56% trên tổng doanh thu. Tốc độ tăng chi phí lương là 13,9% trong khi tốc độ tăng doanh thu kinh doanh là 9,4%, đáp ứng kì vọng tăng doanh thu - lợi nhuận, nhằm khích lệ tinh thần người lao động tiếp tục nỗ lực hoàn thành kế hoạch các năm tiếp theo.

+ Chi phí dụng cụ 2025 đã được tiết kiệm rất nhiều so với kế hoạch đề ra.

+ Chi phí dự phòng nợ khó đòi 2025 không phát sinh.

+ Chi phí tiền thuê đất: 2,94 tỷ, bằng 51,4% so với cùng kỳ năm 2024.

3. Doanh thu kinh doanh:

ĐVT: đồng

ST T	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2024	NĂM 2025		SO SÁNH TH2025/TH 2024		SO SÁNH TH2025/KH 2025	
			KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	Số tiền	%	Số tiền	%
1	DOANH THU KINH DOANH	45,321,189,684	48,000,000,000	49,560,792,656	4,239,602,972	109.4%	1,560,792,656	103.3%
1	Phòng ngủ	28,231,493,059	29,927,000,000	31,940,312,676	3,708,819,617	113.1%	2,013,312,676	106.7%
-	Công suất phòng	72.0%	76.6%	78.5%	0	109.1%	0	102.5%
-	Giá phòng bình quân	1,249,900	1,244,366	1,295,753	45,853	103.7%	51,387	104.1%
2	Ăn uống	7,567,675,450	8,173,000,000	8,187,125,546	619,450,096	108.2%	14,125,546	100.2%
-	Ăn uống phòng	2,902,901,812	3,135,000,000	3,004,775,065	101,873,253	103.5%	(130,224,935)	95.8%
-	Ăn uống nhà hàng	1,968,130,890	2,126,000,000	1,995,409,091	27,278,201	101.4%	(130,590,909)	93.9%
-	Ăn uống tiệc hội nghị	2,696,642,748	2,912,000,000	3,186,941,390	490,298,642	118.2%	274,941,390	109.4%
3	Cho thuê phòng hội nghị	2,503,489,577	2,704,000,000	2,149,088,117	(354,401,460)	85.8%	(554,911,883)	79.5%
4	Cho thuê mặt bằng	4,494,426,141	4,471,000,000	4,283,339,093	(211,087,048)	95.3%	(187,660,907)	95.8%
5	Dịch vụ khác	591,313,988	638,000,000	872,616,323	281,302,335	147.6%	234,616,323	136.8%
6	Phí Phục vụ	1,932,791,469	2,087,000,000	2,128,310,901	195,519,432	110.1%	41,310,901	102.0%

Tổng doanh thu thực hiện năm 2025: 49,56 tỷ đồng tăng 4,2 tỷ đồng tương đương tăng 9,4% so với cùng kỳ năm 2024 và bằng 103,3% so với kế hoạch. Công suất phòng bình quân năm 2024 đạt 78,5%.

Cụ thể các loại hình kinh doanh của Công ty, như sau:

3.1. Kinh doanh dịch vụ lưu trú:

ĐVT: đồng

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2025	THỰC HIỆN 2024	% TH 2025/TH2024
1. DOANH THU	31,940,312,676	28,231,493,059	113.1%
2. Chi phí trực tiếp	15,848,260,703	15,319,231,951	103.5%
2.1 Chi phí nhân công trực tiếp	7,630,510,321	6,809,787,510	112.1%
2.2 Chi phí vật liệu	479,165,255	432,842,649	110.7%
2.3 Chi phí dụng cụ	283,998,070	256,476,593	110.7%
2.4 Chi phí khấu hao TSCĐ	1,944,498,700	2,505,432,979	77.6%
2.5 Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,314,244,893	2,895,891,010	114.4%
2.6 Chi phí bằng tiền khác	2,195,843,464	2,418,801,210	90.8%
3. Lãi (lỗ) bộ phận	16,092,051,973	12,912,261,108	124.6%
% lãi bộ phận / doanh thu	50,4%	45,7%	110,1%

- Doanh thu dịch vụ lưu trú thực hiện năm 2025: 31,9 tỷ đồng tăng 3,71 tỷ đồng tương đương tăng 13,1% so với cùng kỳ năm 2024 và chiếm tỷ trọng 64,4% trên tổng doanh thu.

- Chi phí trực tiếp dịch vụ lưu trú là 15,85 tỷ đồng tăng 529 triệu đồng tương đương tăng 3,5%, trong đó: chi phí nhân công là 7,63 tỷ đồng tăng 820,7 triệu đồng tương đương tăng 12,1%, chiếm tỷ trọng 48,1% trên chi phí trực tiếp (nhiều hơn năm 2024 là 44,5%/trên chi phí trực tiếp). Chi phí nhân công trực tiếp chiếm 23,9% trên tổng doanh thu dịch vụ lưu trú thực hiện trong 2025.

- Lãi bộ phận kinh doanh lưu trú là: 16,09 tỷ đồng tương đương với tỷ lệ lãi bộ phận/doanh thu là 50,38%, lãi này của năm 2025 tăng 24,6% so với 2024.

3.2. Kinh doanh dịch vụ ăn uống

ĐVT: đồng

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2025	THỰC HIỆN 2024	% TH 2025/TH2024
1. Doanh thu	8,187,125,546	7,567,675,450	108.2%
2. Chi phí	8,428,504,449	7,521,508,968	112.1%
2.1 Nguyên vật liệu	3,376,899,365	2,960,821,107	114.1%
2.2 Chi phí trực tiếp	5,051,605,084	4,560,687,861	110.8%
Chi phí nhân công trực tiếp	3,708,983,408	3,379,546,369	109.7%
Chi phí vật liệu	150,743,066	127,979,452	117.8%
Chi phí dụng cụ	205,630,459	184,362,832	111.5%
Chi phí khấu hao TSCĐ	23,171,982	27,063,335	85.6%
Chi phí dịch vụ mua ngoài	342,735,317	280,104,410	122.4%
Chi phí bằng tiền khác	620,340,852	561,631,463	110.5%
3. Lãi (lỗ) bộ phận	-241,378,903	46,166,482	-522.8%
% Lãi (lỗ) bộ phận / Doanh thu	-2.9%	0.6%	-483.3%

- Doanh thu dịch vụ ăn uống thực hiện năm 2025: 8,19 tỷ đồng tăng 619,5 triệu đồng tương đương tăng 8,2% so với cùng kỳ năm 2024 và chiếm tỷ trọng 16,52% trên tổng doanh thu. Tốc độ tăng chi phí là 12,1%.

3.3. Kinh doanh dịch vụ khác

ĐVT: đồng

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2025	THỰC HIỆN 2024	% TH2025/T H2024
1. Doanh thu	7,305,043,533	7,589,229,706	96.3%
2. Chi phí trực tiếp	2,290,360,740	1,513,965,041	151.3%
2.1 Chi phí nhân công trực tiếp	1,017,010,040	535,471,586	189.9%
2.2 Chi phí vật liệu	271,944	2,852,394	9.5%
2.3 Chi phí dụng cụ	147,768,864	107,239,811	137.8%
2.4 Chi phí khấu hao TSCĐ	64,966,128	39,879,945	162.9%
2.5 Chi phí dịch vụ mua ngoài	742,665,991	438,917,280	169.2%
2.6 Chi phí bằng tiền khác	317,677,773	389,604,025	81.5%
3. Lãi (lỗ) bộ phận	5,014,682,793	6,075,264,665	82.5%
% Lãi (lỗ) bộ phận / Doanh thu	68.6%	80.1%	85.8%

- Doanh thu dịch vụ khác thực hiện năm 2025: 7,31 tỷ đồng, giảm 284,2 triệu đồng tương đương giảm 3,74% so với năm 2024 và chiếm tỷ trọng 14,74% trên tổng doanh thu.

4. Tình hình quản lý tiêu hao nguyên vật liệu hàng ăn uống

DVT: 1000 đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	TH 2025 - TH 2024 tăng(+)/ giảm(-)	%
Doanh thu thu ăn	7,118,038	7,712,068	594,030	108.35%
Doanh thu uống	449,637	475,058	25,421	105.65%
Chi phí NVL hàng ăn	2,833,446	3,247,685	414,239	114.62%
Chi phí NVL hàng uống	129,215	127,375	(1,840)	98.58%
_ Tỷ lệ tiêu hao ăn	39.81%	42.11%	2.31%	-
_ Tỷ lệ tiêu hao uống	28.74%	26.81%	-1.93%	-

- Tỷ lệ tiêu hao hàng ăn năm 2025 là 42,11% tăng 2,31% so với năm 2024, tỷ lệ tiêu hao hàng uống là 26,81% giảm 1,93% so với năm 2024.

5. Tình hình thu nhập của nhân viên:

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Tăng/ giảm	%
Tổng số CBCNV	73	76	3	104.1%
Tổng quỹ lương	12,629,000,000	14,560,000,000	1,931,000,000	115.3%
Tiền lương b/q (người/tháng)	9,354,909	8,911,436	(443,473)	95.3%
Tiền lương b/q (người/tháng) (không tính Ban điều hành)	8,491,667	7,830,526	(661,141)	92.2%
Thu nhập b/q (người/tháng)	17,111,588	16,759,651	(351,937)	97.9%
Thu nhập b/q (người/tháng) (không tính Ban điều hành)	15,991,911	15,432,048	(559,863)	96.5%

- Số lượng lao động bình quân đến ngày 31/12/2025 là 76 lao động, tăng 3 lao động so với năm 2024 tương đương giảm 4,1% so với cùng kỳ năm 2024.

- Quỹ tiền lương của Công ty thực hiện là 14,56 tỷ đồng, tăng 1,93 tỷ đồng, tương đương tăng 15,3% so với cùng kỳ năm 2024.

- Thu nhập bình quân/tháng/lao động năm 2025 là 16,76 triệu đồng, giảm 351.937 đồng, tương đương giảm 2,1% so với cùng kỳ năm 2024.

II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Một số nét chính về tình hình tài chính năm 2025 của Công ty như sau:

DVT: đồng

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Chênh lệch	%
TÀI SẢN					
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	147.994.227.061	139.203.778.437	8.790.448.624	5,9%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.934.269.040	6.667.794.922	(733.525.882)	-12,4%

II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	137.714.160.000	127.714.160.000	10.000.000.000	7,3%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	3.161.439.230	3.737.619.597	(576.180.367)	-18,2%
IV. Hàng tồn kho	140	374.854.246	327.181.883	47.672.363	12,7%
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	809.504.545	757.022.035	52.482.510	6,5%
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	24.641.514.756	26.556.740.894	(1.915.226.138)	-7,8%
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	750.000.000	750.000.000	-	0,0%
II. Tài sản cố định	220	23.008.201.651	25.009.637.501	(2.001.435.850)	-8,7%
VI. Tài sản dài hạn khác	260	883.313.105	797.103.393	86.209.712	9,8%
NGUỒN VỐN				-	
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	27.932.116.484	26.602.632.940	1.329.483.544	4,8%
I. Nợ ngắn hạn	310	26.469.616.484	24.118.132.940	2.351.483.544	8,9%
II. Nợ dài hạn	330	1.462.500.000	2.484.500.000	(1.022.000.000)	-69,9%
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	144.703.625.333	139.157.886.391	5.545.738.942	3,8%
I. Vốn chủ sở hữu	410	144.703.625.333	139.157.886.391	5.545.738.942	3,8%
I. Vốn góp của chủ sở hữu	411	123.641.000.000	123.641.000.000	-	0,0%
II. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	16.193.870.427	10.648.131.485	5.545.738.942	34,2%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	172.635.741.817	165.760.519.331	6.875.222.486	4,0%

Tổng tài sản và nguồn vốn tại ngày 31/12/2025 là 172,63 tỷ đồng, tăng 4% tương đương hơn 6,88 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2024.

1. Tình hình tài sản ngắn hạn:

Tài sản ngắn hạn đến ngày 31/12/2025 là 147,99 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 86,7% trên tổng tài sản:

- Vốn bằng tiền: Tiền và các khoản tương đương tiền đến ngày 31/12/2025 là 5,93 tỷ đồng, giảm 733,5 triệu đồng so với cùng kỳ 2024.

- Đầu tư tài chính ngắn hạn là 137,71 tỷ đồng, tăng 10 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2024, tương đương tăng 7,8%, trong đó, chứng khoán kinh doanh: cổ phiếu NH TMCP Phương Đông số tiền đến ngày 31/12/2025 là 3.714.160.000 đồng và tiền gửi có kỳ hạn là 134.000.000.000 đồng.

- Nợ phải thu ngắn hạn: Số dư nợ phải thu tại ngày 31/12/2025 là 3,16 tỷ đồng trong đó phải thu khách hàng là 1,788 tỷ đồng, trả trước cho người bán là 29,8 triệu đồng, các khoản phải thu khác là 2,187 tỷ đồng.

- Công ty đã trích dự phòng nợ là 1.020,8 triệu đồng, trong đó trích dự phòng ngắn hạn 843,6 triệu đồng và trích dự phòng nợ dài hạn 177,2 triệu đồng.

- Hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2025 là 374,85 triệu đồng.

2. Tình hình tài sản dài hạn tại ngày 31/12/2025:

Tài sản dài hạn là 24,64 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 14,27% trên tổng tài sản.

- Tài sản cố định: Tổng giá trị tài sản cố định là 23 tỷ đồng, bao gồm tài sản cố định hữu hình 23 tỷ đồng chiếm 93,37% tài sản dài hạn; giá trị tài sản cố định vô hình là 0 triệu đồng.

3. Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả đến ngày 31/12/2025 là 27,9 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 16,18% tổng nguồn vốn, bao gồm các khoản nợ ngắn hạn và nợ dài hạn.

- Nợ ngắn hạn: đến ngày 31/12/2025 là 26,47 tỷ đồng, chiếm hơn 94,76% nợ phải trả.

- Nợ dài hạn: đến ngày 31/12/2025 là 1,46 tỷ đồng, chiếm 5,24% nợ phải trả.

- Khả năng thanh toán nợ phải trả thể hiện qua một số chỉ tiêu sau: (đvt: lần)

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025
Khả năng thanh toán hiện thời (TSNH/NNH)	10,00	5,77	5,59
Khả năng thanh toán nhanh (TSNH-HTK)/NNH	9,98	5,76	5,58
Hệ số nợ (NPT/VCSH)	0,11	0,19	0,19
Tỷ lệ (Nợ phải trả/Nợ phải thu)	3,32	4,75	6.45

Các chỉ tiêu trên cho thấy tài sản của đơn vị đảm bảo được khả năng thanh toán các khoản nợ. Công ty không sử dụng vốn vay. Hệ số nợ ở mức thấp.

4. Vốn chủ sở hữu

Giá trị nguồn vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2025 là 144.703.625.333 đồng. Trong đó vốn đầu tư của chủ sở hữu không thay đổi là 123.641.000.000 đồng.

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 31/12/2025 như sau: Tổng số cổ đông là 268 cổ đông, trong đó có: 9 cổ đông tổ chức, 259 cổ đông cá nhân.

5. Về báo cáo tài chính năm 2025:

Báo cáo tài chính của Công ty được kiểm toán bởi Công ty Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY. Ý kiến của Kiểm toán viên như sau: Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”

III. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã thực hiện nhiệm vụ của mình dựa theo điều lệ và quy định của pháp luật. Đã thực hiện giám sát, lãnh đạo theo Nghị quyết đại hội cổ đông năm 2025:

Hội đồng Quản trị thực hiện tổ chức họp định kỳ trong năm 2025 trong đó bao gồm các nội dung thông qua liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

- Kết quả kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026.

- Lựa chọn Công ty Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY là công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025.

Đánh giá kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành: Qua công tác giám sát và kiểm tra, Ban Kiểm soát nhận thấy Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã triển khai và thực thi đúng tinh thần của Nghị quyết ĐHCĐ năm 2025, Điều lệ của Công ty.

IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

1. Kết quả hoạt động của Giám đốc.

- Đánh giá hoạt động của Giám đốc đã Triển khai đầy đủ, nghiêm túc và đúng pháp luật các Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua, Điều lệ của Công ty.
- Hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ và hình ảnh thương hiệu khách sạn. Giám đốc chủ động triển khai bảo trì định kỳ toàn bộ phòng lưu trú, phòng hội nghị, nhà hàng và khu vực công cộng của khách sạn đảm bảo luôn duy trì đúng tiêu chuẩn phục vụ khách. Từng bước nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị và công cụ làm việc tại các bộ phận. Đồng thời, chú trọng đổi mới và sáng tạo trong thiết kế sản phẩm dịch vụ nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ để thu hút khách hàng, tạo dấu ấn riêng cho thương hiệu, xây dựng và phát triển các sự kiện kinh doanh một cách hiệu quả
 - Đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.
- Thực hiện tốt nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước và chia cổ tức cho các cổ đông.

2. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025:

BKS đã tiến hành các phiên họp theo đúng quy định của Công ty đại chúng. Trong năm 2025, BKS có sự thay đổi nhân sự: miễn nhiệm chức danh Thành viên BKS đối với ông Nguyễn Trần Gia Huy và bầu bổ sung bà Đỗ Thị Quý Công tham gia thành viên BKS nhiệm kỳ 2022-2026.

Trong năm 2025, Ban kiểm soát không phát sinh chi phí hoạt động khác của Ban Kiểm soát.

IV. NHẬN XÉT KIẾN NGHỊ:

1. Nhận xét

- Báo cáo tài chính năm 2025 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn. Báo cáo được trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành cũng như các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và cũng đã được kiểm toán bởi công ty đủ điều kiện kiểm toán doanh nghiệp đại chúng.

2. Kiến nghị

- Ban kiểm soát kiến nghị Ban điều hành Công ty tiếp tục duy trì hiệu quả trong công tác kiểm soát chi phí, từng bước nâng cao hiệu quả vận hành và quản trị khách sạn nhằm thúc đẩy hiệu quả kinh doanh.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm Soát về thẩm tra báo cáo tài chính năm 2025. Kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

TM. BAN KIỂM SOÁT



Hà Thị Mai Phương

TP HCM, ngày 28 tháng 05 năm 2026

BÁO CÁO
TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ
KIỂM SOÁT VIÊN

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Chức năng nhiệm vụ ban kiểm soát:

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn theo điều lệ có các quyền và nghĩa vụ sau:

- Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

- Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh

2. Cơ cấu tổ chức Ban kiểm soát

Theo quy định tại điều lệ Công ty Ban kiểm soát có từ 03 thành viên gồm 1 Trưởng ban kiểm soát và 2 thành viên bao gồm.

1. Bà Hà Thị Mai Phương – Trưởng Ban kiểm soát.
2. Bà Huỳnh Thị Thanh Trúc - Thành viên Ban kiểm soát
3. Bà Đỗ Thị Quý Công - Thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên kiêm nhiệm tất cả các công việc thuộc chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại điều lệ Công ty.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2025, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn đã tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, điều lệ của Công ty trong công tác quản lý và điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư và tham gia đóng góp ý kiến, đưa ra các kiến nghị với Hội đồng quản trị, Giám đốc trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.

Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm tra báo cáo tài chính năm 2025 nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành; phối hợp với kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán trong việc lập báo cáo tài chính; giám sát việc thực hiện các kiến nghị của đơn vị kiểm toán độc lập.

1. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc

Hội đồng quản trị đã làm việc theo đúng điều lệ Công ty, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và theo đúng phân cấp. Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp thường kỳ và đột xuất; các phiếu xin ý kiến nhằm quyết định những vấn đề thuộc quyền hạn của HĐQT và triển khai thực hiện các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đề ra, các nội dung do Hội đồng quản trị quyết định.

Hội đồng quản trị đã ban hành các nghị quyết về công tác cán bộ đối với đại diện vốn và cán bộ cử của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH Một thành viên tại Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn.

Giám đốc đã kịp thời chỉ đạo và giám sát tình hình thực hiện công tác đầu tư, sửa chữa tài sản theo đúng Quy chế tài chính đã ban hành, nâng cao trách nhiệm, chất lượng công tác nghiên cứu thị trường, các giải pháp kinh doanh đem lại hiệu quả cao.

Giám đốc đã thực hiện đầy đủ chế độ chính sách cho người lao động tại đơn vị.

2. Đánh giá sự phối hợp hoạt động của Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.

Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty đã hỗ trợ để ban kiểm soát thực hiện hoạt động giám sát theo đúng chức năng, nhiệm vụ quy định tại điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp; duy trì mối quan hệ làm việc, phối hợp tốt vì ổn định, phát triển bền vững của Công ty và lợi ích của cổ đông.

Các chỉ đạo điều hành sản xuất của Công ty đều được giám sát chặt chẽ của Hội đồng quản trị. Giám đốc thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị để kịp thời xin ý kiến chỉ đạo khi cần thiết.

Giám đốc đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ phù hợp với Luật doanh nghiệp và điều lệ của Công ty, đã triển khai kịp thời các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã thực hiện các công việc giám sát cụ thể và báo cáo hoạt động theo yêu cầu của cổ đông. Đồng thời, Ban kiểm soát đã phối hợp tốt với Ban điều hành trong việc cung cấp thông tin hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát việc lập các báo cáo tài chính và báo cáo thường niên kịp thời, đảm bảo quyền lợi của cổ đông theo đúng quy định của pháp luật.

3. Kết quả giám sát hoạt động kinh doanh

DVT: đồng

STT	Nội dung	THỰC HIỆN NĂM 2024	NĂM 2025		TH2025/ TH2024	TH2025/ KH 2025
			KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN		
1	Tổng doanh thu kinh doanh	45.321.189.684	48.000.000.000	49.560.792.656	109,4%	103,3%
2	Lợi nhuận trước thuế	13.347.841.494	17.038.000.000	19.265.671.270	144,3%	113,1%

Năm 2025, trong bối cảnh thị trường du lịch và lưu trú dần phục hồi nhưng cạnh tranh ngày càng gia tăng, Ban điều hành đã chủ động triển khai các giải pháp linh hoạt nhằm đảm bảo duy trì hoạt động ổn định và hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh đề ra.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 49,6 tỷ đồng, tương đương 109,4% so với thực hiện năm 2024 và 103,3% so với kế hoạch năm 2025.

Lợi nhuận trước thuế đạt 19,3 tỷ đồng, tương đương 144,3% so với thực hiện năm 2024 và 113,1% so với kế hoạch năm 2025.

4. Tình hình thực hiện các quy chế, quy định nội bộ của Công ty

Công ty thực hiện đúng các quy định, quy chế nội bộ đã được ban hành.

5. Đánh giá hoạt động của từng thành viên Ban kiểm soát.

Trong năm 2025, các thành viên Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan. Các hoạt động giám sát được triển khai thường xuyên, bám sát tình hình thực tế của Công ty, đặc biệt tập trung vào các nội dung kiểm tra, giám sát quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, rà soát các báo cáo tài chính định kỳ, tính tuân thủ văn bản lập quy quy định, phát hiện rủi ro không đáng có cho doanh nghiệp.

Các thành viên Ban kiểm soát đã chủ động phối hợp với các phòng ban trong Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm tra giám sát theo yêu cầu, đảm bảo tính khách quan cũng như tính chính xác khi đưa ra quyết định cụ thể giúp Hội đồng quản trị cũng như Ban điều hành có những quyết định đúng đắn nhất trong hoạt động kinh doanh để đem lại hiệu quả cao nhất.

Trong năm 2025 đánh giá các thành viên Ban kiểm soát đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, thể hiện tinh thần trách nhiệm, độc lập, đánh giá trung thực đảm bảo lợi ích chung cho Công ty cũng như cổ đông.

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2026

Giám sát việc thực hiện Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Giám sát việc tuân thủ pháp luật, điều lệ Công ty và các quy chế/quy định của Công ty trong hoạt động quản lý điều hành doanh nghiệp.

Giám sát việc triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2026 được đại hội đồng cổ đông sắp đến thông qua.

Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng và cả năm của Công ty.

Giám sát hoạt động đầu tư, sử dụng và quản lý vốn một cách có hiệu quả.

Phối hợp với kiểm toán độc lập và bộ phận nội bộ để giám sát việc thực hiện các kiến nghị sau kiểm toán.

Thực hiện công tác khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Cập nhật các chính sách mới ban hành, tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn.

Nơi nhận:

- ĐH đồng cổ đông
- Lưu

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Hà Thị Mai Phương



SAIGON hotel

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN SÀI GÒN
41 - 47 Đông Du, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84) 028 38299 734
Website: www.saigonhotel.com.vn

Số: 01/2026/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn UHY

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét:

Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn UHY.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Võ Thanh Bình

Số: 02/2026/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2026

TỜ TRÌNH**V/v: Phân phối lợi nhuận năm 2025,
quyết toán thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2025****Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn;
- Căn cứ kết quả kinh doanh của công ty năm 2025 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY kiểm toán.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông về phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:

1. Kết quả kinh doanh năm 2025

- Doanh thu thuần : 49.560.792.656 đồng, đạt 103,3% so với Kế hoạch năm 2025.
- Lợi nhuận trước thuế : 19.265.671.270 đồng, đạt 113,1% so với Kế hoạch năm 2025.
- Lợi nhuận sau thuế : 15.653.637.727 đồng, đạt 114,9% so với Kế hoạch năm 2025.
- Chi phí phân bổ CCDC: 670.770.297 đồng.
- Chi phí khấu hao TSCĐ: 2.039.431.810 đồng.

2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

Căn cứ số liệu trên báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán, lợi nhuận sau thuế tính đến cuối năm 2025 là 15.653.637.727 đồng. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua mức phân phối lợi nhuận năm 2025, như sau:

STT	Diễn giải	Số tiền (Đvt: đồng)
1	Lợi nhuận trước thuế	19.265.671.270
2	Lợi nhuận sau thuế	15.653.637.727
3	Lợi nhuận chưa phân phối các năm trước	540.232.700
4	Tổng Lợi nhuận dự kiến phân phối	16.193.870.427
4.1	Chia cổ tức 2025 (11%/cổ phiếu) (dự kiến)	13.600.510.000
4.2	Thù lao HĐQT & BKS 2025	390.000.000
4.3	Trích Quỹ Khen thưởng (dự kiến 10% lợi nhuận sau thuế)	1.565.363.773
5	Lợi nhuận còn lại sau phân phối	637.996.654
6	Ngày chốt danh sách thực hiện quyền	17/7/2026
7	Ngày chi trả cổ tức	30/07/2026



3. Quyết toán thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2025

Căn cứ Kết quả kinh doanh năm 2025, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết toán thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2025 với mức chi là 390.000.000 đồng. Cụ thể:

- Chủ tịch HĐQT: 5.000.000 đồng/tháng
- Thành viên HĐQT: 4.000.000 đồng/người/tháng x 4 người
- Trưởng BKS: 4.000.000 đồng/tháng
- Thành viên BKS: 2.500.000 đồng/người/tháng x 2 người
- Thư ký HĐQT: 2.500.000 đồng/tháng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Võ Thanh Bình



Số: 03/2026/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2026

TỜ TRÌNH**V/v: Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2026,
dự kiến thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2026****Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn;
- Căn cứ Kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2026,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua các vấn đề sau:

1. Dự kiến phương án phân phối lợi nhuận năm 2026

Trên cơ sở Kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận năm 2026, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2026 như sau:

STT	Diễn giải	Số tiền (ĐVT: đồng)
1	Lợi nhuận trước thuế 2026	19.751.474.800
2	Lợi nhuận sau thuế 2026	15.793.179.840
3	Lợi nhuận dự kiến phân phối 2026, trong đó:	14.333.417.984
3.1	Chia cổ tức 2026 (10%/cổ phiếu)(dự kiến)	12.364.100.000
3.2	Trích thù lao HĐQT & BKS 2026	390.000.000
3.3	Trích Quỹ Khen thưởng (dự kiến 10% lãi sau thuế)	1.579.317.984
4	Lợi nhuận còn lại sau phân phối	1.459.761.856

2. Mức chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2026

Căn cứ Kế hoạch kinh doanh năm 2026, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua thù lao hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2026 với mức chi là 390.000.000 đồng. Cụ thể:

- Chủ tịch HĐQT: 5.000.000 đồng/tháng
- Thành viên HĐQT: 4.000.000 đồng/người/tháng x 4 người
- Trưởng BKS: 4.000.000 đồng/tháng
- Thành viên BKS: 2.500.000 đồng/người/tháng x 2 người
- Thư ký HĐQT: 2.500.000 đồng/tháng



Sau khi có kết quả kinh doanh thực tế năm 2026, Hội đồng quản trị sẽ trình Đại hội đồng cổ đông quyết định kế hoạch phân phối cụ thể.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Võ Thanh Bình





Số: 04/2026/TĐ-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2026

TỜ TRÌNH**V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ và năm 2026.****Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn;
- Căn cứ quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành áp dụng đối với công ty đại chúng quy mô lớn;
- Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn danh sách các Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 như sau:

1. Các tiêu thức lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập.
 - Là Công ty kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam;
 - Có kinh nghiệm kiểm toán đối với các công ty cổ phần tại Việt Nam;
 - Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
 - Có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
 - Đáp ứng yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
 - Có mức phí kiểm toán phù hợp với chất lượng và phạm vi kiểm toán;
2. Đề xuất danh sách Công ty kiểm toán độc lập.

Căn cứ vào các tiêu chí trên, Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các Công ty kiểm toán để lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ và năm 2026 của Công ty gồm:

- + Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY;
- + Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía Nam (AASCS);
- + Công ty TNHH Kiểm toán Quốc Tế- CN Sài Gòn;

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho HĐQT Công ty lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán nêu trên và giao Giám đốc ký hợp đồng thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ và năm 2026 của Công ty đảm bảo đúng quy định hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- ĐH đồng cổ đông
- Lưu

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN****Hà Thị Mai Phương**

Số: 05/2026/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2026

TỜ TRÌNH

Vv: Thay đổi ngành nghề kinh doanh; sửa đổi, bổ sung quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Kính gửi: Đại hội Đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn

- Căn cứ Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/09/2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành nghề kinh tế Việt Nam;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 15, ngày 29 tháng 08 năm 2022;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn.

Nhằm phù hợp với thực tế hoạt động kinh doanh và đảm bảo tính thống nhất với các văn bản pháp luật mới ban hành, đặc biệt là việc cập nhật hệ thống ngành nghề kinh doanh theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét các vấn đề sau:

1. Thay đổi ngành, nghề kinh doanh cụ thể như sau:

1.1 Bổ sung ngành, nghề: Mã ngành 5510 – Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự (chi tiết: Kinh doanh phòng nghỉ khách sạn; Dịch vụ phòng họp cho khách tại khách sạn) do giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hiện tại chưa có mã ngành này.

1.2 Bổ sung ngành, nghề: Mã ngành 9020 – Hoạt động biểu diễn nghệ thuật, thay thế cho mã ngành 9000 – Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hiện tại.

1.3 Bổ ngành, nghề: Mã ngành 9000 – Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (chi tiết: Dịch vụ vui chơi giải trí, bán hàng lưu niệm; Dịch vụ phòng họp cho khách tại khách sạn; Kinh doanh Karaoke; Dịch vụ xoa bóp; Dịch vụ xông hơi).

1.4 Sửa đổi tên ngành, nghề: Mã ngành 7911 – Đại lý lữ hành (chi tiết: Dịch vụ du lịch, lữ hành trong nước hoặc quốc tế) theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg.

1.5 Sửa đổi chi tiết ngành, nghề: Mã ngành 6810 – Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (sửa chi tiết thành: Kinh doanh văn phòng cho thuê).



2. Sửa đổi, bổ sung quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

Nội dung tại Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi
Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị
Khoản 4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn	Khoản 4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn
a) Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách kinh doanh hằng năm từ 100 triệu đồng trở lên; hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hằng năm.	a) Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách kinh doanh hằng năm từ 300 triệu đồng trở lên; hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hằng năm.

- 3. Thông qua Dự thảo Điều lệ Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn thay thế cho Điều lệ hiện hành, đảm bảo sự phù hợp và hiệu quả trong quản trị và hoạt động của Công ty**
- 4. Ủy quyền cho Người đại diện pháp luật của Công ty tiến hành các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật.**

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Võ Thanh Bình



DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN SÀI GÒN



MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	3
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	3
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	3
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	3
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	4
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty	4
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	5
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	6
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	6
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu	6
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	7
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	7
Điều 9. Thu hồi cổ phần	7
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	8
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	8
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	8
Điều 11. Quyền của cổ đông.....	8
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	9
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 15. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 16. Thay đổi các quyền	13
Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	20
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	20
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	20
Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	22
Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	24
Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	24

VIII. GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY.....	27
Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý.....	27
Điều 29. Cán bộ quản lý	28
Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc	28
Điều 31. Người phụ trách quản trị Công ty	29
IX. BAN KIỂM SOÁT	29
Điều 32. Thành phần và nhiệm kỳ của Thành viên Ban kiểm soát	29
Điều 33. Ban kiểm soát.....	31
X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC.....	32
Điều 34. Trách nhiệm căn trọng	32
Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	32
Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	33
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	34
Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	34
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	34
Điều 38. Công nhân viên và công đoàn.....	34
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	35
Điều 39. Phân phối lợi nhuận	35
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	35
Điều 40. Tài khoản ngân hàng	35
Điều 41. Năm tài chính.....	36
Điều 42. Chế độ kế toán	36
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	36
Điều 43. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	36
Điều 44. Báo cáo thường niên	36
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	37
Điều 45. Kiểm toán.....	37
XVII. CON DẤU	37
Điều 46. Con dấu.....	37
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	37
Điều 47. Chấm dứt hoạt động.....	37
Điều 48. Thanh lý	38
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	38
Điều 49. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	38
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	39
Điều 50. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	39
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	39
Điều 51. Ngày hiệu lực.....	39

300
CỘ
CỘ
HÀ
SÀ
7-

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này qui định về tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn (dưới đây gọi tắt là "**Công ty**") và được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày tháng 6 năm 2026 tại Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn Các phụ lục và các văn bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ được ban hành đúng quy định (nếu có) là một phần không tách rời của Điều lệ này.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) "Vốn điều lệ" là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này;
 - b) "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là luật Doanh nghiệp số 07/VBHN-VPQH ngày 25 tháng 01 năm 2022 được hợp nhất từ luật số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022;
 - c) "Luật Chứng khoán" có nghĩa là luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
 - d) "Cán bộ quản lý" là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, thành viên Hội đồng quản trị và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;
 - e) "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
 - g) "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - f) "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:
 - Tên tiếng Việt : **CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN SÀI GÒN**
 - Tên tiếng Anh : **SAIGON HOTEL CORPORATION**
 - Tên giao dịch : **KHÁCH SẠN SÀI GÒN / SAIGON HOTEL**

- Tên viết tắt : **SAIGON HOTEL CORPORATION**
- 2. Công ty là Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
- 3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
 - Địa chỉ : 41 - 47 Đông Du, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
 - Điện thoại : 028 3829 9734
 - E-mail : info@saigonhotel.com.vn
 - Website : www.saigonhotel.com.vn
- 4. Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.
- 5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
- 6. Thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn, trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 47 Điều lệ này.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
01	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự Chi tiết: Kinh doanh phòng nghỉ khách sạn; Dịch vụ phòng họp cho khách tại khách sạn.	5510
02	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh văn phòng cho thuê	6810
03	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Dịch vụ vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng. Vận chuyển khách du lịch	4932
04	Hoạt động biểu diễn nghệ thuật.	9020
05	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Kinh doanh ăn uống và vũ trường. Dịch vụ giặt ủi, hấp	5610

06	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Thu đổi ngoại tệ cho khách (theo giấy phép của cơ quan chức năng)	6619
07	Đại lý lữ hành Chi tiết: Dịch vụ du lịch, lữ hành trong nước hoặc quốc tế.	7911
08	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Mua bán rượu	4633
09	(Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có trách nhiệm thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và Pháp luật có liên quan)	Ngành, nghề chưa khớp mã với hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: huy động và sử dụng vốn một cách hiệu quả nhất nhằm phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh theo các chức năng và ngành nghề kinh doanh được đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; đồng thời tối đa hóa lợi nhuận, tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước. Vì trách nhiệm với cộng đồng, xã hội và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là vốn điều lệ được ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
Mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng (mười ngàn đồng), số lượng cổ phần của Công ty sẽ bằng Vốn điều lệ chia cho mệnh giá một cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ cổ đông được quy định tại Điều 11 và Điều 12 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Công ty hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0300850255, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 04 năm 1994, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần gần nhất.
6. Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó thì số cổ phần phổ thông này phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu

258
TY
AN
SAN
ON
5CX

cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai mươi (20) ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá đã đăng ký mua với nghĩa vụ tài chính của Công ty vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ

ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d) Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu.
 - đ) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - i) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.



2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a) Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 24 và khoản 2 Điều 32 của Điều lệ này;
 - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - c) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;
 - d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - đ) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty; chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông;
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
5. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
6. Tuân thủ các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
7. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin để thực hiện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được cung cấp cho cá nhân, tổ chức khác.
8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;

- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
 - c) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa (1/2) số thành viên quy định trong Điều lệ;
 - d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;
 - đ) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
 - a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi

(30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm đ Khoản 3 Điều này;

- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - a) Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
 - b) Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị.
 - c) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty; kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc; báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên.
 - d) Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
 - e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại và các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:
 - a) Thông qua các báo cáo tài chính năm;
 - b) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
 - d) Lựa chọn công ty kiểm toán;
 - đ) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm

- soát;
- e) Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
 - g) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - h) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
 - i) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - k) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - l) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - m). Quyết định đầu tư, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
 - n) Công ty mua lại hơn mười phần trăm (10%) một loại cổ phần phát hành;
 - o) Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
 - p) Chấp thuận các giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan đến các đối tượng này quy định tại khoản 4 điều 293 nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
 - q) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a) Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Thực hiện quyền dự họp Đại Hội đồng cổ đông

- 1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
- 2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của

- cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
- b) Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
 - c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào dự họp.

- 3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
- 4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c) Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

- 1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
- 2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, Điều 19 và Điều 20 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a) Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội chậm nhất mười ngày (10) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty; Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
 - b) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - c) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - d) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu quy định tại Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2020. Tài liệu họp và thông báo mời họp được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:
 - a) Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất năm phần trăm (05%) cổ phần phổ thông theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;
 - c) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;
 - d) Các trường hợp khác.
6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất trên năm mươi phần trăm (50%) cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc uỷ quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, Trường Ban Kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển

Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chủ tọa đề cử một hoặc một số người làm thư ký lập biên bản cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa;
6. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.
7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia thảo luận và biểu quyết;
 - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
8. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
9. Người triệu tập họp Đại hội cổ đông hoặc chủ tọa cuộc họp có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội.
10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:
 - a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy



vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a) Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ đại hội có mặt tại đó (“**Địa điểm chính của đại hội**”);
- b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:
 - a) Thông qua báo cáo tài chính năm;
 - b) Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc.
 - d) Và các vấn đề khác.
2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể công ty, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3 điều 148 của Luật doanh nghiệp.
4. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện một trăm phần trăm (100%) số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là

hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 điều 147 của Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được xem là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;

- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Các quyết định đã được thông qua;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- 6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
- 7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Nội dung biên bản được quy định tại điều 150 của Luật Doanh nghiệp.
- 2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội, Thư ký đại hội.
- 3. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
- 4. Các bản ghi chép, biên bản, nghị quyết đã được thông qua, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 điều 152 Luật doanh nghiệp.
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 (ba mươi) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là bảy (07) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty phải đảm bảo quy định sau:

- a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
- b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 07 thành viên;

Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành theo khoản 2 điều 276 nghị định 155/2020/NĐ-CP không thấp hơn 1/3 (một phần ba) tổng số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (05%) đến dưới mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ mười phần trăm (10%) đến dưới

ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ sáu mươi phần trăm (60%) đến dưới bảy mươi phần trăm (70%) được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ bảy mươi phần trăm (70%) đến dưới tám mươi phần trăm (80%) được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ tám mươi phần trăm (80%) đến dưới chín mươi phần trăm (90%) được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
4. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, công ty đại chúng phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - đ) Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a) hành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d) Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị;
 - đ) Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy

định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
 - đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật doanh nghiệp;
 - e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật doanh nghiệp;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Ban Giám đốc và Kế toán trưởng do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
 - l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;
 - q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a) Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - b) Thành lập các công ty con của Công ty (giá trị tài sản đầu tư vào Công ty con dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty) ;
 - c) Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 138 và khoản 3 điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh)
 - d) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - đ) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - e) Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách kinh doanh hằng năm từ 300 triệu đồng trở lên; hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hằng năm.
 - g) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i) Việc Cty mua hoặc thu hồi không quá mười phần trăm (10%) mỗi loại cổ phần;
 - k) Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - l) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính.
6. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của Thành viên Hội đồng quản trị đó.
8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên và Báo cáo Đại hội đồng cổ đông của Công ty, được thể hiện bằng mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm.
9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
10. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, HĐQT hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc của Công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập

chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất mỗi quý phải họp một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - a) Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;
 - b) Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - c) Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của Thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Biểu quyết.
 - a) Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản

trị có một (01) phiếu biểu quyết;

- b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - c) Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
 - d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 35 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
10. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
11. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên năm mươi phần trăm (50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.
12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành

viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.
14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.
15. Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa (1/2) tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.
16. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

VIII. GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Giám đốc, các Phó Giám đốc và một (01) Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 29. Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên trong Hội đồng hoặc một (01) người khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty, được trình bày thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm.
2. Nhiệm kỳ của Giám đốc là ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.
3. Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
 - a) Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b) Quyết định tất cả các vấn đề không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c) Quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm, mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động của cán bộ quản lý khác nhằm thực hiện tốt các hoạt động quản lý vận hành;
 - d) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - đ) Vào ngày 15 tháng 12 hàng năm, Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - e) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - g) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng

năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

- h) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Giám đốc và pháp luật.
4. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
 5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một (01) Giám đốc mới thay thế.

Điều 31. Người phụ trách quản trị Công ty

Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 32. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) đến năm (05) thành viên. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt

Nam

Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm một (01) thành viên làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán, có bằng tốt nghiệp đại học trở lên. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
2. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (05%) đến dưới mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
4. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
5. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật doanh nghiệp ;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận ;
 - c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;
 - d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

- d) Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 33. Ban kiểm soát

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170, điều 171, điều 173 Luật Doanh nghiệp, điều 288 nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều lệ này, chủ yếu và không giới hạn những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
 - a) Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;
 - b) Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
 - c) Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm, trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;
 - d) Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu (06) tháng và quý;
 - đ) Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
 - e) Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;
 - g) Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và
 - h) Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.
4. Mức thù lao của các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định, được trình bày riêng thành một mục trong Báo cáo tài chính năm. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 34. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Công ty tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 164 của Luật doanh nghiệp.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
4. Chấp thuận hợp đồng giao dịch với các bên liên quan:
 - a) Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và người có liên quan của cổ đông.
 - b) Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho những người quản lý của Công ty và những người có liên quan của họ.
 - c) Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan sau đây:

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ;

Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;

Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật doanh nghiệp.
 - d) Các các hợp đồng, giao dịch sau đây phải được Hội đồng quản trị chấp thuận:

Các hợp đồng, giao dịch theo quy định điểm b), điểm c) khoản 3 Điều này và có giá trị

nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; Hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;

Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại điểm này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

e) Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:

Các hợp đồng, giao dịch theo quy định điểm b) và điểm c) khoản 3 Điều này và có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

Hợp đồng, giao dịch có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;

Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại điểm này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ

hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

- a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 32 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 38. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng

và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 39. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức trong phạm vi kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 40. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty

có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

Điều 41. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một (01) hàng năm và kết thúc vào ngày thứ ba mươi mốt (31) của tháng Mười hai (12) cùng năm.

Điều 42. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS). Công ty cũng có thể sử dụng chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 43. Báo cáo tài chính năm, sáu (06) tháng và Quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 45 Điều lệ này, và trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu (06) tháng và Quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp
4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu (06) tháng và quý của Công ty phải được công bố trên website của Công ty.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu (06) tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 44. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 45. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính theo thoả thuận tại hợp đồng kiểm toán cho công ty kiểm toán độc lập.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận theo quy định, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị theo quy định.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVII. CON DẤU

Điều 46. Con dấu

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.
3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 47. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a) Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - b) Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản

trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 48. Thanh lý

1. Sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
 - c) Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
 - d) Các khoản vay (nếu có);
 - đ) Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (đ) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi (nếu có) được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 49. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:
 - a) Cổ đông với Công ty;
 - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay cán bộ quản lý.Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trường Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp

nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Toà án có thẩm quyền giải quyết.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Trọng tài hoặc của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Trọng tài hoặc của Toà án (nếu có).

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 50. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những Điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 51. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm XXI Chương 51 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn nhất trí thông qua ngày tháng năm tại Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn kể từ ngày tháng năm .
2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a) Một (01) bản nộp tại Phòng Công chứng Nhà nước của địa phương
 - b) Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;
 - c) Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN SÀI GÒN
Giám đốc

(đã ký)

PHAN NGỌC BÍCH